



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính:

Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ,
Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-024) 3248 4820
Fax: (84-024) 3248 4821
Website: <http://www.tvs.vn>

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Tầng 9, 63 Võ Văn Tần, Phường 6
Quận 3, TPHCM
Điện thoại: (84-028) 6299 2099
Fax: (84-028) 6299 2088
Email: info@tvs.vn

MỤC LỤC	Trang
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	
Chặng đường phát triển	4
Các chỉ số tài chính nổi bật 2014 -2018	7
Ngành nghề kinh doanh	9
Định hướng phát triển	13
TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2018	
Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	15
Tình hình tài chính	18
Quản trị rủi ro	20
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	22
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty	24
Báo cáo Ban kiểm soát	26
QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Sơ đồ cơ cấu tổ chức	30
Hội đồng Quản trị	33
Ban Kiểm soát	35
Ban Tổng Giám Đốc	36
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	
Cơ cấu cổ đông	39
Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Báo cáo tài chính	42
Thuyết minh Báo cáo tài chính	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- Chặng đường phát triển
- Các chỉ số tài chính nổi bật
- Ngành nghề kinh doanh
- Định hướng phát triển

MỤC LỤC	Trang
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	
Chặng đường phát triển	4
Các chỉ số tài chính nổi bật 2014 -2018	7
Ngành nghề kinh doanh	9
Định hướng phát triển	13
TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2018	
Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	15
Tình hình tài chính	18
Quản trị rủi ro	20
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	22
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty	24
Báo cáo Ban kiểm soát	26
QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Sơ đồ cơ cấu tổ chức	30
Hội đồng Quản trị	33
Ban Kiểm soát	35
Ban Tổng Giám Đốc	36
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	
Cơ cấu cổ đông	39
Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Báo cáo tài chính	42
Thuyết minh Báo cáo tài chính	

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

2006	2007	2010	2012
<p>TVS chính thức được thành lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/12/2006 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD của UBCK ngày 25/12/2006 - Trụ sở: Hà Nội - Vốn điều lệ: 36 tỷ đồng 	<p>Tăng vốn lên 430 tỷ đồng và mở thêm chi nhánh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ lên 86 tỷ đồng theo Giấy phép số 67/UBCK-CP ngày 24/8/2007 điều chỉnh GP 36 ; - Tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng theo Giấy phép số 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 5/12/2007 điều chỉnh GP 36 ; - Quyết định 505/QĐ-UBCK của UBCK ngày 7/9/2007 chấp thuận thành lập chi nhánh TPHCM; 	<p>Nhận tài trợ từ IFC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 8/2010, TVS trở thành ngân hàng đầu tư đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam nhận được tài trợ từ IFC, thành viên của Ngân hàng Thế giới (World Bank). 	<p>Chuyển trụ sở</p> <p>Quyết định số 115/GPĐC-UBCK ngày 03/12/2012 v/v điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động – thay đổi địa chỉ trụ sở đến Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.</p>



2015	2016	2017	2018
<p>Niên yết trên Hose, tăng vốn và mua Công ty Quản lý Quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày 15/01/2015, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: TVS) chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM; Tháng 5/2015, Công ty Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM) ra đời sau khi TVS mua thành công 99,2% cổ phần Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc; Tăng vốn điều lệ lên 476.438.880.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của UBCK ngày 27/8/2015. 	<p>Tăng vốn và huy động thành công Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE một Quỹ đóng mới, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt – “TVGF” với tổng giá trị 150 tỷ; Tăng vốn điều lệ lên 520.005.060.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK của UBCK ngày 05/09/2016; Tăng vốn điều lệ lên 534.295.060.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC của UBCK ngày 12/12/2016. 	<p>Tăng vốn và huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2</p> <p>Tăng vốn điều lệ lên 578.710.410.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC của UBCK ngày 29/08/2017 TVAM tiến hành thủ tục huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 – “TVGF2” với tổng giá trị 170 tỷ đồng và được cấp phép thành lập quỹ vào ngày 02/01/2018</p>	<p>Tăng vốn</p> <p>Tăng vốn điều lệ lên 630.023.750.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC của UBCK ngày 29/08/2018</p>



THÔNG TIN LIÊN LẠC**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT**

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 9, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM
Email: info@tvs.vn
Website: http://www.tvs.vn
Điện thoại: (84-024) 32484820
Fax: (84-024) 32484821

THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu: **TVS**
Địa điểm: Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Ngày niêm yết: 15/01/2015
Vốn điều lệ: 635.023.750.000 đồng
Mệnh giá: 10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết: 63.502.375
Số lượng cổ phiếu lưu hành: 63.502.375

CÔNG TY KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIET NAM**

Địa chỉ: Tầng 28, Toà nhà Tài Chính Bitexco
Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM
Website: http://www.ey.com.vn
Điện thoại: (84-028) 38245252
Fax: (84-028) 38245250

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

TVS	2014	2015	2016	2017	2018
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (triệu đồng)					
Doanh thu hoạt động	175,607	206,774	167,511	413,585	486,058
01. Doanh thu tư vấn	9,419	69,681	18,608	1,715	52,256
02. Doanh thu tự doanh	122,579	78,424	87,680	301,718	269,010
03. Doanh thu môi giới	13,770	58,201	22,895	24,921	43,143
04. Quản lý quỹ			3,840	14,827	5,356
05. Hoạt động khác	29,839	467	34,488	70,405	116,293
Chi phí hoạt động	60,853	77,781	60,263	140,486	208,322
Doanh thu hoạt động tài chính		3,135	3,840	1,170	1,594
Chi phí hoạt động tài chính		4,451	18,789	45,369	78,333
Chi phí quản lý	15,819	18,438	21,620	25,408	24,180
Kết quả hoạt động	96,935	109,239	70,678	203,493	176,817
Thu nhập khác và chi phí khác	(1)	3,777	11,060	4,955	(0)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98,934	113,016	81,738	208,448	176,817
Lợi nhuận sau thuế TNDN	79,006	89,203	66,833	168,018	140,600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)

Tài sản ngắn hạn	731,724	626,371	1,336,340	1,591,656	2,666,742
Tài sản dài hạn	19,564	28,101	24,804	21,418	18,432
Tổng tài sản	751,289	654,472	1,361,144	1,613,073	2,685,174
Nợ phải trả	239,521	80,471.26	751,095.30	867,952.37	1,811,424.62
Vốn chủ sở hữu	511,768	574,000.55	610,048.78	745,121.04	873,749.53
Vốn điều lệ	430,000	476,439	534,295	578,710	635,024

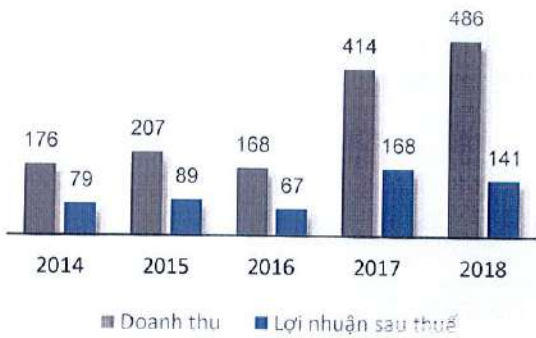
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Thu nhập trên VCSH (ROE)	16.0%	16.4%	11.3%	24.8%	17.4%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	11.2%	12.7%	6.6%	11.3%	6.5%
Chỉ tiêu an toàn tài chính	444%	453%	268%	300%	262%

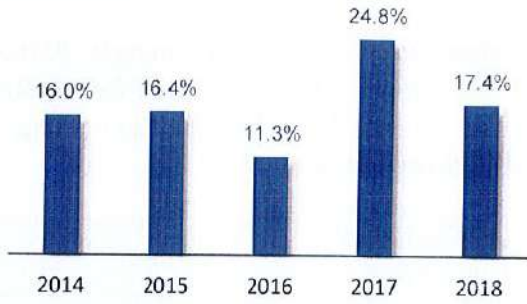
CHỈ TIÊU CHO 1 ĐƠN VỊ CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu lưu hành trung bình	38,700,000	43,343,888	49,358,756	53,800,291	61,952,375
BQ gia quyền của số CP phổ thông để tính EPS					61,408,489
Thu nhập trên 1 cổ phiếu	2,041	2,058	1,354	2,636	2,290
Giá trị sổ sách trên 1 cổ phiếu	13,224	13,243	12,359	13,850	14,104
Cổ tức và cổ phiếu thưởng	1,800	2,000	1,500	1,600	2,850
Giá cổ phiếu tại ngày giao dịch cuối năm	12,500	12,200	9,200	11,200	13,400
P/E	6.1x	5.9x	6.8x	3.6x	5.9x
P/B	0.9x	0.9x	0.7x	0.8x	1.0x

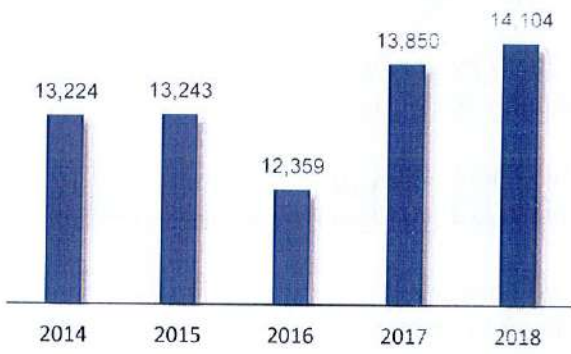
Doanh thu - Lợi nhuận (tỷ VND)



ROE



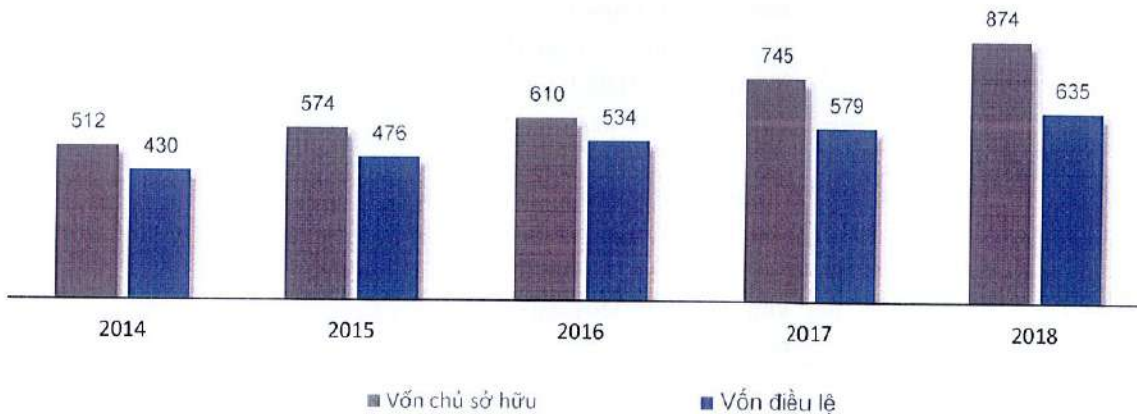
Giá trị sổ sách (VND)



Cổ tức và Cổ phiếu thưởng



Vốn chủ sở hữu (VND)



(Nguồn TVS)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Chứng khoán Thiên Việt (TVS) là một ngân hàng đầu tư Việt Nam độc lập với đầy đủ các chức năng hoạt động theo luật định. Chúng tôi tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực quốc tế và cam kết phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng. Các dịch vụ tài chính của TVS gồm có: Ngân hàng đầu tư (IB); Quản lý quỹ (TVAM); Hoạt động đầu tư; Dịch vụ chứng khoán; Nguồn vốn và kinh doanh tài chính; Phân tích.

Ngoài Trụ sở Tầng Tòa nhà TĐL tại 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, TVS còn có Chi Nhánh tại 63a Võ Văn Tần phường 6 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động đầu tư:

Hội đồng đầu tư và đội ngũ đầu tư của TVS đều có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư. Những nhân sự này đã xây dựng các Doanh nghiệp riêng thành công, cũng như đã từng trải qua những giai đoạn khó khăn của nền kinh tế và biến động khó lường của TTCK. Ông Nguyễn Trung Hà là thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT, Ngân hàng ACB và có nhiều kinh nghiệm đầu tư vào hơn 30 công ty trong nước khác. Bà Đinh Thị Hoa là thành viên sáng lập, Chủ tịch tập đoàn Galaxy, cũng là thành viên HĐQT của REE, ACB. Bà Bùi Thị Kim Oanh có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành quản lý quỹ... Bà Nguyễn Thanh Thảo có kinh nghiệm làm việc trực tiếp tại các thị trường lớn như Mỹ và Nga. Đội ngũ đầu tư trực tiếp có gần 10 năm kinh nghiệm đầu tư ở thị trường chứng khoán Việt Nam và làm việc cho các định chế tài chính lớn. Đầu tư ở mỗi thời kỳ mỗi khác, có những lúc kiếm tiền rất dễ và mất đi cũng rất dễ nhưng những người đã có nhiều kinh nghiệm trên thị trường, trải qua nhiều thăng trầm, sẽ hình thành được nguyên tắc đầu tư để bảo vệ tiền của NĐT và tăng trưởng trong dài hạn. Tham gia thị trường từ những ngày sơ khai, trải qua nhiều sóng gió, nên chúng tôi đã thiết lập các nguyên tắc đầu tư của riêng mình.

TVS đang đầu tư vào ba loại tài sản khác nhau bao gồm đầu tư vốn cổ phần công ty niêm yết, vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân và tài sản nợ. Trong 7 năm gần đây, danh mục đầu tư gần 1200 tỉ đồng do TVS quản lý đã đạt "tăng trưởng kép", với mức tăng trung bình hàng năm đạt 27%, gấp 2 lần lần so với VN-Index. TVS kiên định với chiến lược đầu tư giá trị, đầu tư vào các doanh nghiệp đầu ngành, các công ty mà TVS hiểu rõ và có kết quả kinh doanh khả quan. Rủi ro đầu tư được hạn chế qua việc TVS chỉ đầu tư vào các cổ phiếu có giá trị nền tảng tốt đang trong giai đoạn tăng trưởng nhằm tạo ra lợi nhuận ổn định cho cổ đông TVS. TVS tin tưởng đầu tư giá trị tiếp tục là chiến lược mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện tại. Điều quan trọng với TVS không chỉ ở lợi nhuận mỗi năm kiếm được bao nhiêu, mà còn là lợi nhuận được duy trì được trong bao lâu nhằm đảm bảo mức cổ tức cao và ổn định cho các cổ đông.

Ngân hàng đầu tư (IB)

Là bộ phận cốt lõi của TVS, chúng tôi cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ ngân hàng đầu tư:

- Tư vấn huy động vốn cổ phần, vốn nợ;
- Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp cho các khách hàng trong nước, tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam cho các khách hàng nước ngoài (M&A)
- Tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp
- IPO ở thị trường trong và ngoài nước;
- Bảo lãnh phát hành

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư của TVS được cung cấp riêng biệt cho từng thương vụ cụ thể, cân nhắc đến chiến lược đặc thù của khách hàng và thông thường được bắt đầu bằng việc khảo sát cẩn trọng mô hình kinh doanh, qui mô hoạt động, cơ cấu vốn, nhu cầu phát triển và tình hình tài chính tổng thể

của mỗi khách hàng. Với mỗi giai đoạn phát triển của doanh nghiệp khách hàng, TVS sẽ điều chỉnh và đưa ra dịch vụ Ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính phù hợp.

TVS đã thực hiện thành công 30 thương vụ với tổng giá trị khoảng 900 triệu USD tại Việt Nam.

Năm	Giá trị	Khách hàng	Nhà đầu tư	Mô tả thương vụ
2018	50 triệu USD			Huy động vốn
2018	38 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2018	10 Triệu USD			Huy động vốn truyền thông và giải trí
2017	50 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành nông nghiệp
2017	12 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng
2016	5 triệu USD			Huy động vốn ngành giáo dục
2016	28 triệu USD	 Standard Chartered 		Huy động vốn ngành công nghệ
2016	20 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành truyền thông và giải trí
2015	13 triệu USD			M&A ngành dược phẩm
2015	91 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2015	30 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng
2014	15 triệu USD			M&A ngành nuôi trồng thủy sản
2014	13 triệu USD			M&A ngành vận tải
2014	22 triệu USD		 & others	Huy động vốn ngành bất động sản
2013	15 triệu USD			Huy động vốn ngành hạ tầng

Năm	Giá trị	Khách hàng	Nhà đầu tư	Mô tả thương vụ
2013	20 triệu USD			M&A ngành truyền thông và giải trí
2013	40 triệu USD			M&A ngành bất động sản
2013	5.75 triệu USD			Huy động vốn ngành công nghệ
2012	30 triệu USD			M&A ngành ngân hàng
2012	42 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2012	16 triệu USD	BTRC		M&A ngành hạ tầng
2011	41 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2011	184 triệu USD (theo công bố)			M&A ngành hàng tiêu dùng; giải thưởng "Thương vụ tốt nhất năm" từ tạp chí The Asset
2010	40 triệu USD			Huy động vốn ngành hạ tầng
2008	15 triệu USD			M&A ngành vật liệu xây dựng
2007	11 triệu USD			Huy động vốn ngành hàng tiêu dùng; Đầu tư đầu tiên của Goldman Sachs tại Việt Nam

Một số thương vụ nổi bật TVS đã thực hiện:

- Tư vấn cho Công ty Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) huy động 40 triệu USD trái phiếu chuyển đổi từ Goldman Sachs Investment Partners, quỹ đầu tư được quản lý bởi Goldman Sachs;
- Tư vấn cho cổ đông Công ty Diana bán 95% cổ phần cho Tập đoàn Unicharm - Nhật Bản (thương vụ Diana - Unicharm với giá trị chuyển nhượng được công bố 184 triệu USD giành giải thưởng của The Asset Triple A Awards là "Thương Vụ Tốt Nhất Năm 2011 tại Việt Nam");

- Tư vấn cho cổ đông trong nước chuyển nhượng 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức cho Công ty Manila Water Inc. - Philippines với tổng giá trị chuyển nhượng trên 40 triệu USD.
- Tư vấn cho Công ty CP dịch vụ trực tuyến (MoMo) nhận đầu tư 28 triệu USD từ Standard Chartered Private Equity (SCPE) và Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu Goldman Sachs

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)

TVS hiện đang nắm giữ 2.480.000 cổ phần tương đương 99,2% vốn tại Công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM). TVAM cung cấp dịch vụ:

- Quản lý các quỹ huy động trong và ngoài nước
- Quản lý danh mục đầu tư
- Tư vấn đầu tư

Trong năm 2016, TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE một Quỹ đóng mới, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt – “TVGF” với tổng giá trị 150 tỷ đồng.

Trong Quý 4 năm 2017, TVAM đã tiến hành thủ tục huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 – “TVGF2” với tổng giá trị 170 tỷ đồng và được cấp phép thành lập quỹ vào ngày 02/01/2018. TVAM đang quản lý và tư vấn đầu tư hơn 1.200 tỷ đồng cho TVS và

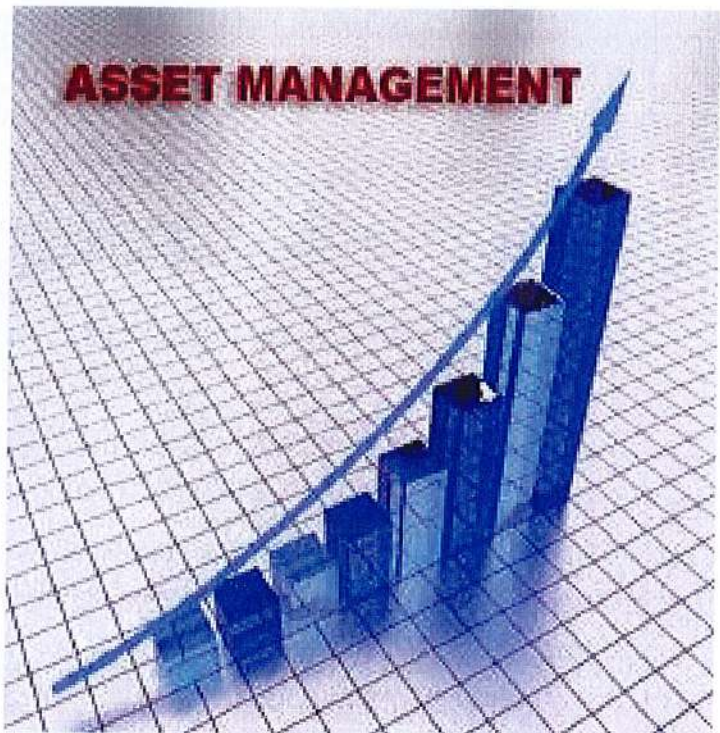
khách hàng tổ chức và cá nhân khác. Nhu cầu dịch vụ quản lý đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư ngày càng cấp thiết khi thị trường chứng khoán ngày càng phát triển cả về quy mô lẫn độ phức tạp. TVS đã thử nghiệm thành công dịch vụ tư vấn đầu tư cho khách hàng VIP từ năm 2011 và đạt được những kết quả rất khả quan. Với đội ngũ và kinh nghiệm, TVS tin tưởng có thể mang lại lợi ích cho nhiều NĐT khác bằng cách nhân rộng mô hình này cho khách hàng thông qua TVAM.

Dịch vụ chứng khoán:

TVS cung cấp dịch vụ chứng khoán gồm môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ cho khách hàng cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. Ngay từ khi thành lập vào cuối năm 2016, TVS được định hướng chiến lược tập trung 80% nguồn lực để phát triển 2 lĩnh vực cốt lõi là hoạt động chính tư vấn (IB) và hoạt động tự doanh (PI). Chúng tôi đã luôn kiên trì với mục tiêu này trong suốt các giai đoạn thăng trầm của thị trường tài chính. Do vậy, mảng dịch vụ chứng khoán nghiêng về hỗ trợ cho hoạt động khác của TVS nên tỷ trọng đóng góp lợi nhuận trong tổng lợi nhuận của TVS chưa đáng kể.

Nguồn vốn và kinh doanh tài chính:

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, giao dịch hoán đổi lãi suất và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác; Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư.



Khối phân tích:

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu, thu thập và xử lý các thông tin thị trường, đưa ra các báo cáo phân tích về thị trường, phân tích vĩ mô, phân tích theo ngành, phân tích chứng khoán và một số các phân tích đặc biệt khác phục vụ yêu cầu xây dựng chiến lược và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư cho các khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Các sản phẩm của Phân tích bao gồm:

- Báo cáo chiến lược đầu tư
- Báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối
- Báo cáo phân tích ngành, doanh nghiệp
- Bản tin thị trường định kỳ hàng ngày, tuần, tháng

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Vững vàng kiềng 3 chân: Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ

Ngay từ khi thành lập, TVS đã tập trung chủ yếu nguồn lực cho hai mảng kinh doanh trụ cột là ngân hàng đầu tư và hoạt động đầu tư nhằm duy trì lợi nhuận bền vững cho cổ đông.

Đến nay, TVS đã tư vấn thành công 33 thương vụ huy động vốn và mua bán sáp nhập với tổng giá trị trên 900 triệu USD. Đội ngũ chuyên gia tư vấn của TVS có đủ năng lực để trình bày về Doanh nghiệp theo "ngôn ngữ" của nhà đầu tư, sao cho họ hiểu được toàn cảnh môi trường cạnh tranh trong ngành mà Doanh nghiệp đang hoạt động, chiến lược của Doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh đó, cũng như cách tổ chức hoạt động để Doanh nghiệp có thể thành công trong chiến lược cạnh tranh mà mình đặt ra. Ngoài ra, mạng lưới Nhà đầu tư danh tiếng, có tiềm lực tài chính mạnh rộng khắp mà TVS xây dựng được trong nhiều năm qua nhờ vào uy tín của mình, vốn am hiểu các tập quán đầu tư quốc tế, cũng như khả năng tìm ra giải pháp hài hòa cho cả Doanh nghiệp lẫn Nhà đầu tư. Thành quả lớn nhất mà TVS đạt được chính là sự hài lòng, tin tưởng mà khách hàng dành cho Công ty thể hiện qua việc hầu như tất cả khách hàng của TVS hiện nay đã sử dụng dịch vụ IB của TVS cho ít nhất 2 thương vụ huy động vốn, M&A liên tiếp của họ.

Đối với hoạt động đầu tư, TVS thông qua TVAM đang quản lý hơn 1.200 tỷ vốn đầu tư bao gồm vốn đầu tư của TVS, quỹ TVGF và quản lý danh mục cho khách hàng. Mô hình CTCK + Công ty Quản lý Quỹ là một trong những mô hình hiệu quả và khá phổ biến trên thị trường tài chính hiện nay. Mô hình này giúp đa dạng hóa các loại hình dịch vụ của TVS nhằm tạo sự khác biệt với các công ty chứng khoán khác. Chúng tôi luôn theo đuổi phương châm: "Tìm kiếm lợi nhuận thay vì phòng tránh thua lỗ", tất nhiên rủi ro sẽ cao hơn. Tuy nhiên, chúng tôi đã cân bằng bởi chiến lược tập trung đầu tư dựa trên các giá trị nền tảng có thể định lượng được của các DN hoạt động hiệu quả, thay vì đầu tư theo thị trường. Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến lược đầu tư vào các công ty đầu ngành có cơ bản tốt, định giá thấp và sẽ giải ngân ở mức giá hợp lý. Ngoài ra, TVAM cố gắng duy trì thành tích để Quỹ luôn nằm trong top 5 quỹ có hiệu quả đầu tư tốt nhất thị trường cũng như cân nhắc phát triển đa dạng các sản phẩm như quỹ ETF, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ trái phiếu...

25/12/2018, đánh dấu chặng đường 12 năm thành lập và phát triển của TVS, 12 năm TVS đã luôn kiên trì với định hướng này trong suốt các giai đoạn thăng trầm của thị trường tài chính. Kết quả hoạt động trong năm 5 gần đây rất tốt với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình đạt 17,2%/năm, duy trì cổ tức ổn định ở mức cao trung bình đạt 20% cho cổ đông. Trong tương lai, TVS vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng này với kiềng 3 chân ở 3 mảng Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ và cân nhắc tham gia thị phái sinh.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHẦN II: HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2018

- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc
- Tình hình tài chính
- Quản trị rủi ro
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty
- Báo cáo Ban kiểm soát

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM 2018 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**Tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán:**

Kết thúc năm 2018 kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực với tăng trưởng GDP đạt 7,08%, tăng cao nhất trong vòng 11 năm trở lại kể từ năm 2008, chủ yếu đến từ ngành công nghiệp và xây dựng tăng 8,85% (so với mức 8,0% năm 2017) và dịch vụ tăng 7,03%. Lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, thấp hơn so với mức Quốc hội đề ra 4%. Có thể thấy điểm nhấn lớn trong năm 2018 là thặng dư thương mại Việt Nam đạt kỷ lục 6,8 tỷ đôla khi tiếp tục hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do cũng như cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Cụ thể, hoạt động xuất khẩu tiếp tục tăng 13,2%, đạt kim ngạch 243,5 tỷ đôla Mỹ; và hoạt động nhập khẩu tăng 11,1%, đạt 236,7 tỷ đôla Mỹ. Tăng trưởng tín dụng, theo Ngân hàng Nhà nước, đạt 14% với chất lượng tín dụng được cải thiện. Ngoài ra các ngân hàng thương mại cũng tích cực xử lý nợ xấu làm tỷ lệ nợ xấu giảm dưới mức 3%.

Mặc dù kinh tế vĩ mô ổn định, thị trường chứng khoán trong năm 2018 vẫn bị ảnh hưởng bởi các rủi ro phi hệ thống, cụ thể là việc Fed tăng lãi suất 04 lần trong năm 2018 khiến dòng tiền toàn cầu rút khỏi các thị trường cận biên và mới nổi, và cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung làm tăng rủi ro tăng trưởng chậm lại nền kinh tế toàn cầu. VNIndex kết thúc 2018 đóng cửa ở mức 892,54 điểm, giảm 9,32% so với năm 2017. Giá trị giao dịch trung bình ngày trên sàn HSX đạt 5.380 tỷ đồng (tăng 28,47% so với mức 4.188 tỷ đồng năm 2017). Thanh khoản thị trường tăng mạnh một phần đến từ dòng vốn nước ngoài (chủ yếu từ Hàn Quốc và Thái Lan) tham gia vào các đợt thoái vốn nhà nước Quý 1 2018 (CTCP Lọc Hóa Dầu Bình Sơn, TCT Dầu Việt Nam và TCT Điện lực dầu khí Việt Nam) và IPO các công ty tư nhân (CTCP Vinhomes và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam). Tính đến cuối năm 2018, giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên sàn HSX đạt mức kỷ lục với hơn 41.511 tỷ đồng. Tổng vốn hóa của thị trường niêm yết (không bao gồm thị trường Upcom) đạt hơn 132.5 tỷ USD (tăng 6,85% so với 124 tỷ USD năm 2017).

Kết quả hoạt động kinh doanh của TVS trong năm 2018:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	2.685.174.150.228	1.613.073.403.895	+66,4%
Doanh thu thuần	486.058.294.450	413.585.378.176	+17,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	277.735.987.235	273.099.352.204	+1,7%
Lợi nhuận trước thuế	176.816.553.155	208.448.243.494	-15,1%
- LNTT đã thực hiện	229.891.827.326	139.471.596.858	+64,8%
- LNTT chưa thực hiện	-53.075274.171	68.976.646.636	-178%
Lợi nhuận sau thuế	140.625.621.657	168.017.919.807	-16,3%
- LNST đã thực hiện	184.440.677.212	111.523.322.498	+65,4%

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi trong năm 2018 hoạt động kinh doanh của TVS vẫn khởi sắc khi doanh thu tăng trưởng 17,5% và lợi nhuận sau thuế đã thực hiện tăng 65,4%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 17,3%, ROE cho phần lợi nhuận sau thuế đã thực hiện đạt 22,8%.

Hoạt động kinh doanh của TVS tập trung 3 mảng cốt lõi Ngân hàng đầu tư (IB), đầu tư vốn và dịch vụ quản lý quỹ bên cạnh hoạt động môi giới và kinh doanh nguồn vốn. Tất cả các mảng đều đóng góp lợi nhuận cao trong năm 2018, đặc biệt bộ phận IB và kinh doanh nguồn vốn đóng góp tổng cộng 40% lợi nhuận trước thuế. Hai khoản thoái vốn từ M_Services và ngân hàng Tiên phong đã đóng góp chính cho lợi nhuận từ hoạt động đầu tư.

Kết quả kinh doanh theo từng Bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng '000VND	Tự doanh '000VND	Tư vấn tài chính '000VND	Kinh doanh nguồn vốn '000VND	Quản lý quỹ '000VND	Tổng cộng '000VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	43.143.145	269.009.759	52.255.590	117.656.537	5.587.336	487.652.370
2. Các chi phí trực tiếp	(24.802.365)	(165.471.240)	(10.898.656)	(78.333.189)	(5.093.875)	(284.599.328)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(912.861)	(813.903)	(329.403)	(461.712)	-	(2.517.881)
Kết quả kinh doanh bộ phận	17.427.918	102.724.615	41.027.530	38.861.634	493.461	200.535.160
4. Chi phí không phân bổ						(23.718.607)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế						176.816.553

Hoạt động đầu tư

Năm 2018 đã khép lại với nhiều biến động trên TTCK Việt Nam. Việc VNIndex từ mức tăng trưởng hơn 22% vào tháng 04/2018 nhưng kết thúc năm âm hơn 9% đã tạo ra nhiều thử thách cho hoạt động đầu tư cổ phiếu tại TVS. Tuy nhiên, với chiến lược đầu tư vào các công ty đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt và chi trả lãi cổ tức cao, TVS đã giữ cho danh mục đầu tư sự hiệu quả và ổn định hơn so với thị trường chung. Cụ thể trong năm qua, các khoản đầu tư đã đem về khoản lãi trước thuế đã thực hiện hơn 14.5 tỷ đồng và hơn 3.8 tỷ từ cổ tức. Tính cả phần lãi/lỗ chưa thực hiện thì danh mục đầu tư TVS giảm 1% so với mức giảm 9.3% của toàn thị trường; một số cổ phiếu cơ bản chiếm tỷ trọng danh mục cao bao gồm PNJ, MWG, MBB, CEO, FPT,... Ngược lại mảng đầu tư niêm yết, các khoản đầu tư vào Công ty cổ phần tư nhân mà TVS đã đầu tư nhiều năm trước (M-Service, ngân hàng Tiên Phong vào đầu năm 2016) đã đóng góp gần 100 tỷ đồng vào lợi nhuận trước thuế năm 2018.

Hoạt động quản lý quỹ

Trong năm 2018, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 – “TVGF2”, quỹ đại chúng thứ 2 của TVAM với tổng giá trị tài sản 170 tỷ đồng đã đi vào hoạt động và niêm yết trên sàn HOSE. Mặc dù thị trường chứng khoán năm 2018 diễn biến hết sức phức tạp do ảnh hưởng tình hình kinh tế chính trị trên thế giới, các quỹ do TVAM quản lý vẫn duy trì vị trí dẫn đầu thị trường chứng khoán Việt Nam với mức tăng trưởng bình quân -2% so với mức tăng trưởng -9.3% của VNIndex và -10.9% của HNX Index. Đặc biệt, đối với quỹ TVGF, đây là năm thứ 2 liên tiếp quỹ đứng đầu thị trường về mặt hiệu quả hoạt động.

Hoạt động ngân hàng đầu tư (IB)

Trong năm 2018, bộ phận tư vấn của TVS thực hiện thành công 3 thương vụ bao gồm hai thương vụ huy động vốn (lĩnh vực công nghệ và truyền thông) và một thương vụ thoái vốn (lĩnh vực hạ tầng). Tổng giá trị giao dịch của cả 3 thương vụ là gần 100 triệu USD. Năm 2019, bộ phận IB dự kiến thực hiện từ 2 đến 4 thương vụ với tổng giá trị giao dịch dự kiến từ 50-80 triệu USD và doanh thu dự kiến là 29 tỷ VND.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn của TVS đạt kết quả tốt trong năm 2018 với doanh thu đạt 117.6 tỷ và lợi nhuận trước thuế đạt 38,9 tỷ lần lượt tăng 64.5% và 51.4% so với năm 2017. Nhờ đánh giá đúng và kịp thời xu hướng vận động của lãi suất, TVS đã duy trì tỷ trọng cao ở các hoạt động kinh doanh nguồn vốn kỳ hạn dài nhằm đạt tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, TVS từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ và doanh nghiệp từ các định chế tài chính khác.

Môi giới và dịch vụ chứng khoán

Doanh thu của Khối Môi giới năm 2018 đạt 21,4 tỷ đồng tăng 77% so với năm 2017, trong đó phí môi giới chứng khoán niêm yết đạt 11,4 tỷ đồng tăng 18,7%, phần còn lại đến từ phí môi giới chứng khoán cho các Công ty cổ phần tư nhân.

Dư nợ cho vay ký quỹ trong năm 2018 được TVS điều chỉnh tăng theo đà tăng của thanh khoản thị trường chứng khoán, dao động ở mức 175-200 tỷ đồng so với mức hơn 100 tỷ đồng của năm 2017. TVS thân trọng trong việc thiết lập danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ với tỷ lệ vay và hạn mức vay đáp ứng quy định của Ủy ban chứng khoán cũng như quy định nội bộ TVS. Danh mục chứng khoán cho vay được xây dựng trên nền tảng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tình thanh khoản cổ phiếu trên thị trường nhằm đảm bảo TVS có thể thu hồi khoản vay. Bên cạnh đó, chính sách lãi suất linh hoạt cho các nhóm khách hàng cũng như việc quản trị rủi ro tốt đã giúp TVS không phát sinh tổn thất nào trong 5 năm qua từ hoạt động này. Kết thúc năm 2018, lãi từ các khoản cho vay đạt 21,1 tỷ tăng 72% so với năm 2017.

Hoạt động các bộ phận hỗ trợ khác

Công nghệ

Hệ thống CNTT tiên tiến, hiệu quả và có tính bảo mật cao là yếu tố quan trọng đối với các Công ty Chứng khoán. TVS luôn chủ động điều chỉnh bổ sung và tự nâng cấp các hệ thống liên quan đến bảo mật và an ninh thông tin trên cả hệ thống phần cứng và phần mềm ứng dụng bảo mật.

Trong năm 2018 TVS, với việc vận hành ổn định hệ thống core giao dịch chứng khoán mới, hoạt động dịch vụ chứng khoán đã được chuẩn hóa trong quản lý, đảm bảo hoạt động hiệu quả và an



toàn. Hạ tầng phần cứng, phần mềm hỗ trợ hoạt động cũng luôn được theo dõi, kiểm tra và nâng cấp định kỳ nhằm mục đích đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu phát sinh từ các cơ quan quản lý và từ nhu cầu thị trường, đảm bảo cung cấp dịch vụ CNTT luôn thông suốt và hiệu quả.

Trong năm 2018 và tiếp nối 2019, bộ phận CNTT đã và đang tiếp tục phối hợp cùng các bộ phận nghiệp vụ có liên quan thực hiện việc nghiên cứu xây dựng và đề xuất kế hoạch nâng cấp, đầu tư gói sản phẩm phục vụ hoạt động giao dịch chứng của khách hàng tại TVS (sản phẩm giao dịch trực tuyến, hệ thống đáp ứng hoạt động thị trường Phái sinh)

Trong năm 2019, bên cạnh việc chủ động tự xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng và dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động công ty, TVS sẽ tiếp tục theo sát các kế hoạch nâng cấp và chuyển đổi hệ thống của các Sở giao dịch, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định giao dịch và ổn định khả năng cạnh tranh trên thị trường về mặt công nghệ.

Bộ phận nghiên cứu và tư vấn đầu tư

Trong năm 2018, bộ phận đã phát hành hằng tuần báo cáo thị trường và hằng quý báo cáo cổ phiếu nhằm cung cấp các thông tin đầu tư / tư vấn đầu tư cho khách hàng. Hiện tại các báo cáo của TVS đang được phân phối qua 02 kênh:

- Kênh khách hàng định chế: cổng Bloomberg, Thomson Reuters, FactSet, Capital IQ và CFA ARX.
- Kênh khách hàng cá nhân: qua email, trao đổi giữa chuyên viên và khách hàng/môi giới, trang web TVS và báo điện tử.

Bộ phận nghiên cứu và tư vấn đầu tư cũng tổ chức họp 02 lần / tuần với bộ phận Môi giới để điểm các tin kinh tế / sự kiện đặc biệt và các nhóm cổ phiếu.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2018 đạt 2.685 tỷ đồng tăng 66% so với năm 2017 chủ yếu do TVS tiếp tục gia tăng nợ vay (chủ yếu) ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Đến 31/12/2018, TVS đang vay nợ 1.722 tỷ đồng, tăng 115% so với năm 2017, nguồn vốn vay chủ yếu tài trợ cho việc kinh doanh nguồn vốn như kinh doanh trái phiếu trên thị trường thứ cấp, hoạt động tiền gửi. Nợ vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi. TVS tăng mạnh vay nợ nhưng vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới những giới hạn quy định an toàn cho ngành chứng khoán: tỷ lệ an toàn tài chính đạt 262% cao hơn 1,45 lần mức quy định pháp luật, nợ vay ngắn hạn chiếm 0.6 lần tài sản ngắn hạn (thấp hơn giới hạn nợ ngắn hạn Công ty chứng khoán không vượt quá 1 lần tài sản ngắn hạn).

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2018, vốn chủ sở hữu đạt 873 tỷ đồng tăng 17,2% so với năm 2017 và chiếm 32,5% tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu gia tăng đều đặn qua các năm chủ yếu do TVS bổ sung từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối mà chưa dùng đến phát hành thêm cổ phiếu kể từ năm 2008 đến nay. Hoạt động đầu tư của TVS được tài trợ bởi vốn tự có, năm 2016 đến năm 2018 TVS đã gia tăng vay nợ ngắn hạn nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

Tại thời điểm 31/12/2018, nợ phải trả là 1.811 tỷ đồng (tăng gấp 2 lần so với năm 2017) và chiếm 67,5% tổng nguồn vốn. Nợ vay ngắn hạn 1.557 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi nhưng vẫn không ảnh hưởng đến chất lượng tài sản của TVS do tất cả khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi trị giá 1.579 tỷ đồng trong số 1.868 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn tại cá ngân hàng. TVS sử dụng đòn cân nợ để gia tăng lợi nhuận cho TVS thông qua hoạt động kinh doanh nguồn vốn

nhưng vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới ngưỡng quy định an toàn cho ngành chứng khoán với: (1) Tổng nợ TVS gấp khoảng 2 lần vốn chủ sở hữu dưới qui định an toàn không quá 3 lần vốn chủ sở hữu; (2) Nợ vay ngắn hạn chiếm 0.6 lần tài sản ngắn hạn dưới qui định an toàn không quá 1 lần tài sản ngắn hạn, (3) hệ số thanh toán ngắn hạn là 1.5 lần, (4) Tỷ lệ an toàn tài chính đạt 262% cao hơn mức quy định an toàn là 180% .

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.45	1.86	1.78
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1.45	1.86	1.78
Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	1.45	1.86	1.78
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số vay nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	0.66	0.50	0.47
Hệ số phải trả / Tổng tài sản	0.68	0.54	0.55
Hệ số vay nợ ngắn hạn/ Vốn chủ sở hữu	2.08	1.08	1.04
Hệ số phải trả / Vốn chủ sở hữu	2.16	1.16	1.23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.09	0.26	0.13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	22.8%	40.6%	39.9%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	6.3%	22.5%	11.0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2.0%	11.3%	6.6%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	29.1%	66.0%	64.0%

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty có 1 công ty con với các thông tin như sau:

- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 25 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 99,2%
- Lĩnh vực hoạt động chính: Quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư
- Doanh thu TVAM năm 2018 đạt 8,7 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 1,6 tỷ đồng, giảm 74% và 90% so với năm 2017
- Hiện TVAM đang quản lý 02 quỹ đóng niêm yết trên Hose bao gồm: Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (FUCTVGF1) và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (FUCTVGF2).

QUẢN TRỊ RỦI RO

Hội đồng quản trị TVS rất chú trọng công tác quản trị rủi ro và TVS đã xây dựng khung quản trị rủi ro cũng như ý thức quản trị rủi ro từ cấp cao nhất thuộc Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các phòng ban và đến từng nhân viên. TVS xây dựng một cấu trúc quản trị rủi ro 3 lớp phòng thủ:

- Lớp nghiệp vụ kinh doanh: Dựa trên hạn mức rủi ro mà HĐQT quyết định cho từng bộ phận kinh doanh cũng như các hạn mức phê duyệt, các trường bộ phận điều hành hoạt động hằng ngày theo hạn mức được cấp.
- Lớp Ban điều hành: Bộ phận QTRR sẽ quản lý các vấn đề về tuân thủ, kiểm soát nội bộ, pháp lý, các vấn đề trong kế toán, các sự cố lớn.
- Lớp HĐQT: Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ đánh giá về quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán các quy trình bộ phận kinh doanh để đảm bảo quy trình chính tồn tại và hoạt động hiệu quả. Ngoài ra, kiểm toán độc lập cũng đánh giá quy trình có ảnh hưởng tài chính chủ yếu rủi ro tuân thủ.

TVS đã xây dựng và cập nhật danh mục rủi ro và xác định rủi ro trọng yếu để xây dựng kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro. Các bộ phận kinh doanh phối hợp với bộ phận quản trị rủi ro nhận diện, đo lường và đánh giá rủi ro phát sinh tại bộ phận cũng như lên kế hoạch hành động để giảm thiểu rủi ro. Bộ phận QTRR giám sát số lần vượt hạn mức rủi ro cũng như rà soát đánh giá xem hiệu quả hoạt động hạn mức phê duyệt như thế nào, có ảnh hưởng đến hoạt động thông thường của phòng ban hay không và trong năm qua, Bộ phận QTRR nhận thấy TVS không có xảy ra tổn thất gây thiệt hại tài chính cũng như danh tiếng TVS.

Danh mục rủi ro trọng yếu

Rủi ro thị trường

Đối với Công ty chứng khoán biến động giá cổ phiếu tác động rất lớn đến hoạt động đầu tư. Gần 70% vốn chủ sở hữu của TVS phân bổ cho hoạt động đầu tư trong đó 2/3 nguồn vốn đầu tư vào cổ phiếu niêm yết. Do đó việc biến động giá cổ phiếu tác động rất lớn đến lợi nhuận của TVS. Rủi ro đầu tư được hạn chế qua việc TVS chỉ đầu tư vào các cổ phiếu có giá trị nền tảng tốt đang trong giai đoạn tăng trưởng nhằm tạo ra lợi nhuận ổn định cho cổ đông TVS. Ngoài ra, TVS đã phân cấp quyền ra quyết định đầu tư theo nhiều cấp dựa trên hạn mức rủi ro được chấp nhận cho hoạt động đầu tư. Khối Quản lý Rủi ro giám sát các kiểm soát đối với việc phê duyệt đầu tư và quản lý vị thế cắt lỗ thông qua chế độ báo cáo hàng ngày, tuần, tháng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro Tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đối với TVS. Đây là rủi ro trọng yếu phát sinh chủ yếu trong hoạt động Cho vay Ký quỹ và là kết quả từ việc thanh toán giao dịch thay mặt cho khách hàng. TVS phân cấp quyền ra quyết định dư nợ cho vay đối với cổ phiếu và khách hàng. Cho vay Ký quỹ chỉ được phép thực hiện với các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí mà Ban điều hành đã phê duyệt và có tính thanh khoản.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của công ty chứng khoán bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Do chứng khoán là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên hệ thống luật còn đang được thay đổi, bổ sung và hoàn

thiện, nên sẽ luôn có tiềm ẩn rủi ro liên quan đến sự thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán, còn tồn tại những rủi ro khác liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa Luật chứng khoán và các luật liên quan làm ảnh hưởng đến hoạt động của Cty. Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Rủi ro xảy ra nếu TVS không phát hiện và ngăn chặn những rủi ro pháp lý gây ra bởi công ty và các sản phẩm, dịch vụ được cung cấp bởi TVS, cũng như các nhà cung cấp, thông qua việc không tuân thủ văn bản hướng dẫn và các quy định. TVS hạn chế rủi ro này bằng cách tăng cường đối thoại với cơ quan quản lý

Rủi ro hoạt động

- ***Rủi ro trong hoạt động dịch vụ môi giới khách hàng***

Rủi ro có thể xảy ra tại bất cứ khâu nào của các mảng hoạt động, như sai sót trong hoạt động môi giới khi thực hiện lệnh cho khách hàng; hay trong các giao dịch với các đối tác gây ra thiệt hại mà Công ty phải bồi thường, hoặc những gian lận của cán bộ nhân viên gây thiệt hại cho Công ty; rủi ro hạ tầng thông tin không ổn định.

Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS luôn tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro và đồng thời công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nội bộ để nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên môi giới.

- ***Rủi ro trong Hoạt động đầu tư vốn***

Đây là những rủi ro cá biệt liên quan đến danh mục đầu tư của Công ty sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong hoạt động tự doanh, nếu thận trọng quá, đôi khi mất cơ hội, ngược lại nếu không tìm hiểu, phân tích kỹ, có thể mắc sai lầm do đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, không có triển vọng, trong trường hợp này, Công ty có thể phải chịu rủi ro lớn, ảnh hưởng đến an toàn vốn. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS đã đa dạng hóa danh mục đầu tư và có đội ngũ chuyên phân tích đánh giá cổ phiếu trước khi đầu tư.

- ***Rủi ro nguồn nhân lực***

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Chứng khoán lại là một ngành kinh doanh mới nên nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm còn rất thiếu. Do đó, khi có biến động nhân sự cấp cao hoặc thực hiện các dự án kinh doanh mới, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nhân sự đủ tài năng, kinh nghiệm và nhân cách để đảm đương vai trò tại Công ty. Để thu hút được người lao động và nhân tài trong ngành chứng khoán, TVS đã luôn duy trì chính sách trả lương và thưởng tương đối cao so với các công ty chứng khoán khác trong ngành và luôn tạo mọi điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên Công ty.

- ***Rủi ro về khả năng đáp ứng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cập nhật nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các thay đổi từ các cơ quan quản lý***

Một yêu cầu thiết yếu để thực hiện được lệnh giao dịch chứng khoán cho khách hàng một cách tiện lợi, nhanh chóng và kịp thời là hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật phải luôn được duy trì kết nối với các SGDCK. Trường hợp kết nối này bị gián đoạn hoặc không thực hiện được kết nối với các SGDCK, giao dịch sẽ không thực hiện được có thể gây thiệt hại cho khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại này. Hơn nữa, trong trường hợp này Công ty sẽ bị mất uy tín với khách hàng và trên thị trường nên khách hàng hiện tại có thể rời bỏ công ty, cũng như việc thu hút khách hàng mới sẽ rất khó khăn. Việc bị ngắt quãng kết nối hoặc không kết nối được có thể do SGDCK và các cơ quan quản lý thay đổi, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hoặc

SGDCK và cơ quan quản lý triển khai các sản phẩm, phần mềm mới mà hệ thống hạ tầng hiện tại của Công ty không hoặc chưa đáp ứng hoặc tương thích được ngay lập tức.

Để dự phòng và ứng phó với loại rủi ro này, TVS luôn chủ động theo dõi bám sát các thông tin liên quan đến những kế hoạch nâng cấp phát triển hệ thống từ các cơ quan quản lý nhà nước (UBCKNN, TTLK, các SGDCK...) để xây dựng các kế hoạch sẵn sàng đáp ứng hệ thống. TVS luôn thực hiện các cập nhật hệ thống chính xác và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật cũng như quy trình tuân thủ của cơ quan quản lý nhà nước.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong năm qua, Công ty tuân thủ và không bị xử phạt vi phạm pháp luật về môi trường. TVS rất chú trọng hoạt động hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng, TVS đã có các hoạt động như sau:

- TVS hỗ trợ 20 triệu và kết hợp với đoàn từ thiện của tòa nhà TĐL hỗ trợ giúp đỡ xây 38 nhà chống rét cho bà con dân tộc thôn Nậm Nhung, Ngọc Hà, Khuây Vải, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang
- TVS Chi nhánh HCM thăm và tặng quà trị giá 107.000.000 cho Người già neo đơn ở Chùa Quang Lâm Quận 8 TP.HCM, Trẻ Em cơ nhỡ, khuyết tật ở Mái Ấm Thiệu Duyên, Củ Chi, Tp.HCM, Cơ Sở nuôi dưỡng trẻ Em khuyết tật Thiên Phước, Củ Chi, Tp.HCM.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lao động trung bình trong năm là 56 người (tại 31/12/2017 TVS có 59 Nhân viên), với thu nhập tiền lương bình quân 28,3 triệu đồng/người/tháng.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xem con người là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện tới người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thế mạnh của mỗi cá nhân. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- *Môi trường làm việc:*

Người lao động tại TVS làm việc trong một môi trường làm việc tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ trang thiết bị như máy tính cá nhân, điện thoại và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu công việc.

Thời gian làm việc tại TVS là 05 ngày/tuần, từ thứ hai đến thứ sáu. Thời gian làm việc nghỉ ngơi phù hợp theo quy định của Bộ Luật lao động.

Ngoài ra, môi trường làm việc tại TVS được cán bộ nhân viên đánh giá là thân thiện, hoà đồng và gần gũi. Đây cũng là một trong những yếu tố khiến người lao động tại TVS gắn bó với Công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS với hơn 5 năm thâm niên chiếm tỷ lệ trên 70%.

- *Chính sách lương, thưởng, phụ cấp*

Chính sách lương, khen thưởng và phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ Luật lao động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty theo tiêu chí công bằng, minh bạch.

Ngoài khoản lương cơ bản cố định, Công ty còn xây dựng chính sách lương kinh doanh được trả hàng tháng/quý/năm. Mức lương kinh doanh được xác định theo quy chế và phụ thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế trong tháng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp điện thoại, tàu xe... nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

- Chăm sóc toàn diện người lao động

Nhằm chăm sóc toàn diện cho cán bộ nhân viên Công ty, bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm "Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khỏe" dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm, tập trung vào công tác.

Ngoài ra, để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS có tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc gia đình, chương trình nghỉ mát thường niên..., để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Các chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

- Chính sách đào tạo

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo rất tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc, kỹ năng sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TVS.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khóa đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế như:

- Nhân viên TVS được hỗ trợ theo các khóa học do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức.
- Tham gia khóa đào tạo chuyên môn về kiểm toán, công nghệ thông tin
- Được hỗ trợ thi lấy chứng chỉ ACCA, CFA,...

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về hoạt động kinh doanh:

Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ thận trọng hơn (tốc độ tăng cung tiền M2 và tăng trưởng tín dụng lần lượt là 12,5% và 14% so với 14,19% và 18,1% năm 2017) đã góp phần để ổn định kinh tế vĩ mô và giúp Việt Nam giảm bớt các rủi ro đến từ kinh tế thế giới. So với các đồng tiền trong khu vực, trong năm 2018 đồng Việt Nam mất giá ít nhất (khoảng 2%) – một yếu tố quan trọng trong thu hút dòng vốn FII. Trong năm 2018 nước ngoài đã mua ròng trên thị trường Việt Nam khoảng 1,779 tỷ USD, tăng 61,7% so với 2017. Tuy ổn định vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam đã giảm 9,32%, đóng cửa ở mốc 892,54 điểm trong bối cảnh thị trường toàn cầu trải qua các biến động mạnh đến từ việc Fed tăng lãi suất 04 lần trong năm 2018, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, và các biến cố từ các công ty công nghệ vốn hóa lớn ở Mỹ. Ngoại trừ điểm số, thị trường chứng khoán Việt Nam có 01 số điểm tích cực: (1) thanh khoản thị trường HSX đạt 5,380 tỷ đồng / ngày (tăng 28,47% so với năm 2017), (2) mức định giá thị trường trở nên hấp dẫn hơn khi P/E ở mức 13-14x so với trái phiếu chính phủ 10 năm khoảng 5,1%, và (3) các đợt IPO lớn (VHM, TCB) đã giúp Việt Nam trở thành quốc gia có tổng giá trị IPO lớn nhất Đông Nam Á.

Trong bối cảnh diễn biến thị trường không được thuận lợi, lợi nhuận sau thuế (đã thực hiện) năm 2018 đạt 184.45 tỷ đồng, +65,4% so với năm 2017.

- Trong năm 2018, các khoản đầu tư vào Doanh nghiệp tư nhân “private equity”, đã đóng góp lớn nhất vào doanh thu và lợi nhuận cho TVS (100 tỷ đồng).
- Danh mục đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của TVS do Công ty QLQ Thiên Việt (TVAM) quản lý đã giảm trung bình 1% và 1,2%, giảm ít nhất so với mức giảm 9,32% của VNIndex và các Quỹ khác.
- NAV 2 Quỹ TVGF1, TVGF2 do TVAM quản lý lần lượt giảm 3,7% và 6,5% - là mức giảm thấp nhất so với các quỹ khác hoạt động tại Việt Nam. Riêng TVGF1 thì đây là năm thứ 2 liên tiếp dẫn đầu hiệu quả.
- Huy động thành công 170 tỷ cho quỹ TVGF2 và nâng tổng số tài sản đang quản lý trên 1,200 tỷ đồng.
- IB và kinh doanh nguồn vốn đã đóng góp trên 40% lợi nhuận trước thuế.

Hoạt động kinh doanh của TVS trong năm qua vẫn tập trung vào 3 mảng chính là Ngân hàng đầu tư (IB), đầu tư vốn và dịch vụ quản lý quỹ bên cạnh hoạt động môi giới và kinh doanh nguồn vốn. Bộ phận HĐQT đánh giá cao nỗ lực các bộ phận trong hoạt động kinh doanh và đầu tư và đã đóng góp kết quả tích cực cho TVS trong bối cảnh thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

HĐQT kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và thông qua kiểm toán nội bộ để nắm rõ tình hình hoạt động của công ty, từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ TGD và Ban điều hành hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao. Căn cứ theo Điều lệ, những quy chế, quy định, phân công phân nhiệm đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban Điều hành quyết định công việc kinh doanh hằng ngày đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao cho. HĐQT nhận định Ban Điều hành trong năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán và luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội cổ đông.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019: Lợi nhuận sau thuế đạt 125 tỷ đồng

Ngân hàng đầu tư

HĐQT vẫn xác định bộ phận Ngân hàng đầu tư là mảng kinh doanh chiến lược nhằm tạo ra tăng trưởng dài hạn cho TVS. Năm 2018, TVS tiếp tục là nhà tư vấn hàng đầu về M&A và huy động vốn với các con số ấn tượng sau: (i) xếp vị trí thứ 5/16 về doanh thu (không tính Chứng khoán Techcombank và Chứng khoán VPBS chỉ tập trung mảng trái phiếu) cùng với SSI, HCM, SHS và MBS; (ii) tổng giá trị thương vụ khoảng 100 triệu đôla nâng tổng giá trị thương vụ chúng tôi thực hiện từ 2007 lên gần 1 tỷ đôla và (iii) mảng kinh doanh trực tiếp đóng góp lớn thứ nhì cho doanh thu và gián tiếp đóng góp lợi nhuận cho khoản đầu tư Doanh nghiệp tư nhân “private equity”.

HĐQT cho rằng dịch vụ Ngân hàng đầu tư ở Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để phát triển với thoái vốn nhà nước và IPO công ty tư nhân lớn là xu hướng chính. Với lợi thế riêng (kinh nghiệm Hội đồng Quản trị, uy tín về M&A của TVS, tệp khách hàng chọn lọc và tỷ lệ chốt thương vụ cao), chúng tôi tin TVS đang ở vị thế tốt để nắm bắt các cơ hội trên thị trường Việt Nam.

Hoạt động đầu tư và Quản lý Quỹ

HĐQT cho rằng thị trường chứng khoán Việt Nam trong 2019 vẫn còn hấp dẫn cho các nhà đầu tư giá trị nếu biết tận dụng tốt các đợt điều chỉnh của thị trường. TVS vẫn kiên trì thực hiện chiến lược đầu tư giá trị vào các doanh nghiệp đầu ngành, tăng trưởng ổn định và chi trả cổ tức cao. Các ngành mà TVS dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm nay là tiêu dùng, bán lẻ, dệt may, khu công nghiệp, tài chính (bao gồm ngân hàng) và tiện ích. Trong năm 2019, chúng tôi dự kiến danh mục đầu tư do TVAM quản lý sẽ tăng trưởng trong khoảng 15%-20%.

Về khoản đầu tư Doanh nghiệp tư nhân “private equity”, chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào những doanh nghiệp trong ngành công nghệ, tiêu dùng, ngân hàng, và giải trí – vốn là những lĩnh vực đường hướng lợi từ tăng trưởng kinh tế và chúng tôi có nhiều kinh nghiệm. Đây sẽ là những khoản đầu tư được kỳ vọng sẽ đảm bảo cho TVS tăng trưởng 3-5 năm tới.

Kinh doanh nguồn vốn

HĐQT và BĐH đánh giá diễn biến lãi suất năm 2019 vẫn thuận lợi cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn, TVS tiếp tục duy trì nợ vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động này. Nếu thị trường diễn biến thuận lợi, HĐQT TVS có thể sẽ cân nhắc phát hành trái phiếu để gia tăng hiệu quả hoạt động.

Môi giới

Năm 2019, TVS đang cân nhắc đầu tư và phát triển mảng khách hàng tổ chức trong và ngoài nước. Sau hơn 1 năm chính thức đi vào hoạt động, TTCK phái sinh đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tốc độ tăng trưởng vượt kỳ vọng ban đầu, thị trường ngày càng thu hút được nhiều nhà đầu tư tham gia với số lượng tài khoản giao dịch tăng nhanh. Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ dự kiến được vận hành trong năm 2019-2020. TVS sẽ xem xét tham gia TTCK phái sinh sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận và hoàn tất thủ tục tăng vốn đáp ứng quy định.

CHÍNH SÁCH CỔ TỨC:

Chính sách cổ tức được HĐQT xem xét hàng năm nhưng luôn đảm bảo tỷ lệ cổ tức trích cho cổ đông trên bảy mươi phần trăm (70%) lợi nhuận sau thuế. Tùy theo tình hình kinh doanh mỗi năm, tỷ lệ cổ tức dao động từ 10% đến mười lăm phần trăm (15%) trở lên. Theo tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018, tỷ lệ cổ tức ở mức 25% trong đó 5% trả bằng tiền và 20% trả bằng cổ phiếu. Ngoài ra, HĐQT trình phát hành cổ phiếu thưởng 3,5% từ nguồn vốn chủ sở hữu (thặng dư vốn cổ phần và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ).

THU NHẬP

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (bao gồm thù lao, lương tham gia điều hành) trong năm 2018 là 6.952.572.363 đồng (năm 2017 là 4.992.355.000 đồng).

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính Công ty, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành.
- Xem xét các báo cáo tài chính và báo cáo an toàn tài chính theo quý, báo cáo soát xét bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của TVS. Phòng vấn kế toán trưởng Công ty về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính và chính sách kế toán của Công ty. Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán EY.
- Phối hợp với Công ty trong đợt kiểm tra định kỳ của Ủy ban Chứng Khoán vào Q4/2018
- Giám sát việc công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông
- Giám sát ý kiến/ khiếu nại của cổ đông thông qua email bankiemsoat@tvs.vn

2. Kết quả giám sát và kiểm tra năm 2018 :

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

- Công bố thông tin: Trong năm 2018, TVS đã công bố báo cáo định kỳ như báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo khác được công bố thông tin đúng thời hạn. Cán bộ quản lý, cổ đông nội bộ đều công bố thông tin đúng quy định khi giao dịch cổ phiếu TVS. Tất cả các bên liên quan được quyền truy cập những thông tin TVS đã công bố.
- BKS đã tiến hành kiểm tra việc công ty triển khai những điểm sau đây đúng theo nghị quyết số 01/NQ_ĐHCĐ.2018:
 - TVS đã chi 33,79 tỷ trả cổ tức năm 2017 ở mức 600 đồng/cổ phiếu và đã phát hành 5.631.334 cổ phiếu để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:9 và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 100:1.
 - Đã thực hiện trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2017 cho các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và 10% cho Quỹ khen thưởng phúc lợi.
 - Chi thù lao cho HĐQT là 1.050 triệu đồng và BKS là 300 triệu đồng trong năm 2018 theo ngân sách đã ĐHCĐ được phê duyệt
 - Tuy nhiên TVS chưa thực hiện tăng vốn điều lệ lên tối thiểu 800 tỷ đồng do điều kiện thị trường chưa thuận lợi, TVS kế hoạch thực hiện trong năm 2019.

Công tác Quản trị điều hành

Hội đồng quản trị (HĐQT)

- HĐQT đã có tổ chức 3 cuộc họp tập trung và 8 phiên họp lấy ý kiến bằng văn bản để quản lý và chỉ đạo hoạt động của TVS. Số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định, việc thảo luận và biểu quyết đảm bảo công khai. 13 nghị quyết được HĐQT ban hành trong năm 2018 theo đúng trình tự, thẩm quyền và phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Các cuộc họp HĐQT tập trung chủ yếu: Cập nhật tình hình kinh doanh Công ty theo quý, cập nhật diễn biến thị trường nhằm đưa ra các quyết định kịp thời cho hoạt động kinh doanh, thảo luận về việc vay vốn và phân bổ nguồn vốn cho các bộ phận kinh doanh, thảo luận và quyết định về nhân sự, v.v.... Trưởng Ban kiểm soát có tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT. Những ý kiến đóng góp của Ban Kiểm Soát trong các buổi họp đã được HĐQT quan tâm và cân nhắc.

Ban Kiểm Soát nhận định HĐQT trong năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán và luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội cổ đông. Ban Kiểm Soát chưa phát hiện các trường hợp bất thường nào gây thiệt hại cho cổ đông từ các thành viên của HĐQT.

Ban điều hành (BDH)

- BDH đã triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong điều lệ TVS.

- BDH đã tuân thủ hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt đặc biệt trong hoạt động đầu tư vốn và hoạt động giao dịch ký quỹ, lãnh vực nhiều cạnh tranh và rủi ro.

- BDH và các bộ phận nghiệp vụ đã cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho BKS được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra, giám sát kịp thời nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

- Ủy ban chứng khoán sau đợt kiểm tra định kỳ trong năm 2018 đã đánh giá Công ty đảm bảo duy trì các điều kiện cấp phép theo quy định, tuân thủ quy định về quản trị Công ty, các bộ phận nghiệp vụ tuân thủ quy định pháp luật, tình hình tài chính tương đối tốt.

Tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty trong năm 2018

- Trong bối cảnh thị trường chứng khoán biến động liên tục và xấu đi trong năm 2018 (sau khi vượt mốc 1.100 điểm VNIndex đã quay đầu giảm mạnh và đóng cửa cuối năm -9,32%), kết quả hoạt động kinh doanh của TVS trong năm 2018 đã đạt được những thành quả rất nổi bật với doanh thu tăng 17,5%, lợi nhuận sau thuế đã thực hiện tăng 65% so với kết quả năm 2017

- Kết quả vượt bậc của năm 2018 khẳng định lần nữa vai trò cốt lõi và vững chắc của nghiệp vụ đầu tư của TVS (quản lý quỹ, tự doanh) và bộ phận ngân hàng đầu tư, đóng góp đại đa phần lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trong năm 2018. Hai hoạt động kinh doanh này sẽ tiếp tục trụ cột tăng trưởng rất tốt của TVS trong tương lai.

- Hoạt động đầu tư lãi 102 tỷ đồng trong năm 2018 chủ yếu nhờ vào kết quả đầu tư rất thành công vào những doanh nghiệp niêm yết (ví dụ TPB, PNJ, FPT, ACB v.v.) và chưa niêm yết (M-Service).

- Tổng tài sản năm 2018 tăng so với năm 2017 chủ yếu do TVS tiếp tục gia tăng nợ vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn như kinh doanh trái phiếu trên thị trường thứ cấp, hoạt động tiền gửi. Nợ vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi. Tuy tăng nợ vay nhưng TVS vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới những giới hạn quy định an toàn cho ngành chứng khoán. Công ty đã tuân thủ theo các qui định về hạn chế đầu tư, đầu tư tài sản cố định, và hạn mức vay theo TT 210/2012/TT-BTC (30/11/2012). Ban Kiểm Soát đồng thuận với số liệu trong báo cáo tài chính năm 2018 được TVS lập, kiểm toán bởi công ty EY và xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của TVS.

3. Báo cáo tự đánh giá Ban kiểm soát

- BKS đã có nhiều cuộc họp để xác định công việc trong năm; họp đánh giá tình hình tài chính và đầu tư Công ty; họp đánh giá kết quả hoạt động trong năm cũng như xem xét các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm 2018, các thành viên Ban Kiểm Soát đã thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát theo đúng quy định Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm Soát hoạt động chuyên trách tại TVS.
- Các thành viên Ban Kiểm Soát tự đánh giá đã hoàn thành nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát trong khuôn khổ pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị TVS trong năm 2018. Trong quá trình thực hiện công việc, Ban Kiểm Soát đã phối hợp tốt với HĐQT, BDH mà không để ảnh hưởng hoặc gây trở ngại đến hoạt động kinh doanh của TVS.

4. Kế hoạch hoạt động cho năm 2019 của BKS

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
- Kiểm tra các BCTC hàng năm, sáu tháng, quý trước khi đệ trình HĐQT xem xét và phê duyệt. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
- Kết hợp với kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra hoạt động môi giới, đầu tư, tư vấn và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty
- Phối hợp với các bộ phận trong công ty trong việc theo dõi và xử lý theo thẩm quyền về các khiếu nại của cổ đông và khách hàng.

5. Kết luận và kiến nghị:

Trong năm 2018, HĐQT và BDH đã vận hành Công ty đạt kết quả kinh doanh rất hiệu quả và không có sự cố gây tổn thất tài chính hay pháp lý cho TVS, hoàn toàn trong khuôn khổ pháp luật cũng như điều lệ Công ty, đúng nghị quyết Đại hội cổ đông.

Ban Kiểm Soát thống nhất với Báo cáo Hội đồng quản trị, Báo cáo Ban điều hành trình Đại hội cổ đông và báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán.

BKS đã nhận được sự hỗ trợ và hợp tác tích cực từ phía HĐQT, BDH cũng như các Bộ phận để có được các kết quả kiểm soát nêu trên. BKS đã kiến nghị những thay đổi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng Quản trị doanh nghiệp tại TVS.

BKS không phát hiện sự cố hay vi phạm nào ảnh hưởng đến hoạt động, tài chính của TVS.

Kiến nghị :

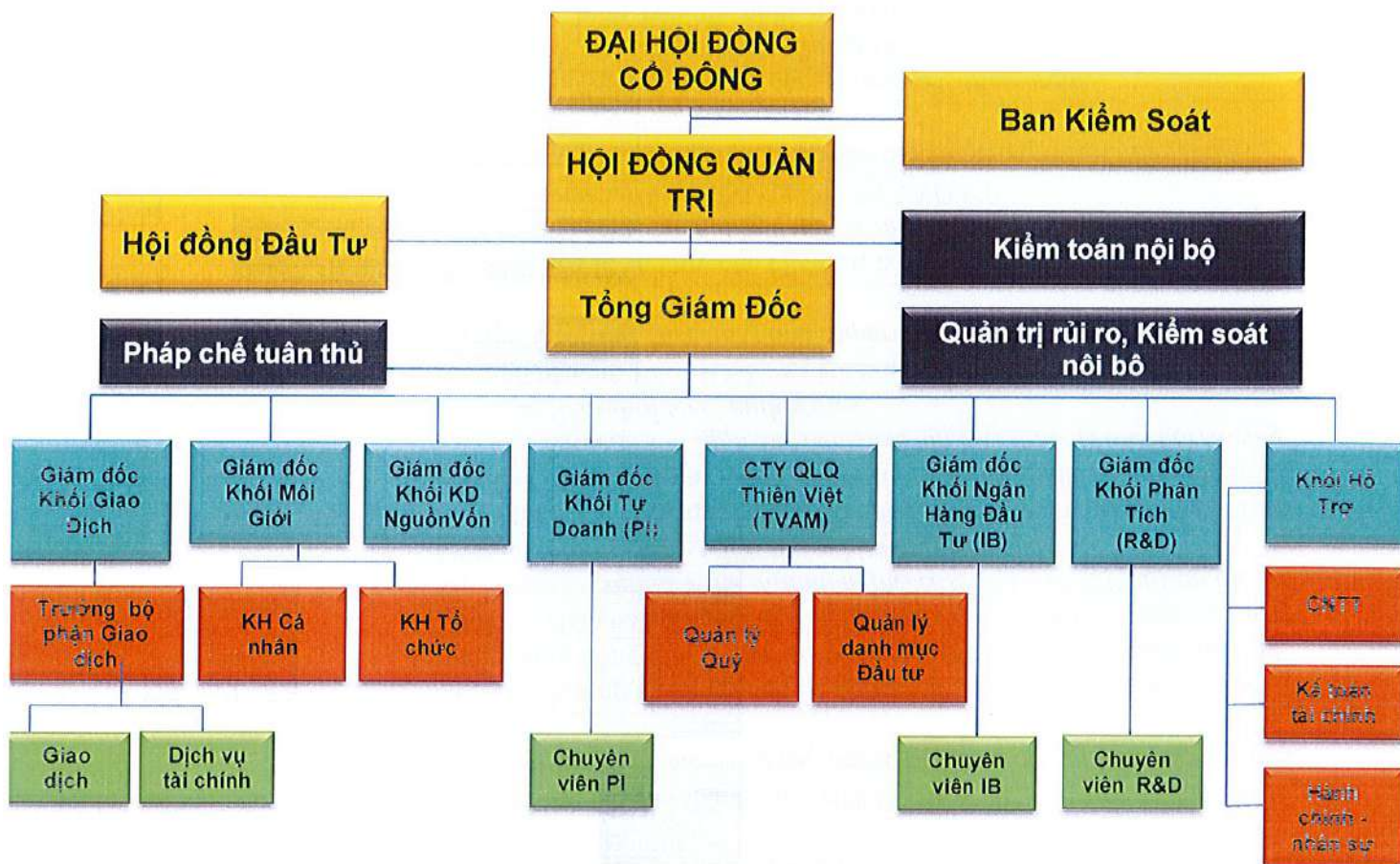
- Ngành kinh doanh cốt lõi TVS là đối nhân, do đó TVS cần tiếp tục chú trọng và củng cố đội ngũ chủ chốt tại các bộ phận cốt lõi như ngân hàng đầu tư, quản lý quỹ.
- TVS cần tăng tốc đáng kể hoạt động quan hệ nhà đầu tư nhằm giúp nhà đầu tư và khách hàng hiểu rõ mô hình kinh doanh của TVS và giá trị thực tiềm ẩn của TVS
- Giữ nguyên đội ngũ của BKS gồm 1 Trưởng Ban kiểm soát và 2 kiểm soát viên
- Chi phí hoạt động của BKS năm 2019 vẫn giữ bằng 300 (Ba trăm) triệu của năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHẦN III: QUAN TRỊ CÔNG TY

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. HĐQT có 7 thành viên trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị là 5 năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.

Ban Kiểm soát (BKS)

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 năm. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu như sau:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông.

Hội đồng Đầu tư

Hội Đồng Đầu Tư là tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị bao gồm 4 thành viên do Hội Đồng Quản Trị bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn. Hội Đồng Đầu Tư có thẩm quyền quyết định các vấn đề đầu tư, kinh doanh, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.

Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ là một cơ quan chức năng trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trong hoạt động của Cty;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Cty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là Giám đốc và các Giám đốc điều hành phụ trách các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh của Cty.

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ (QTRR&KSNB):

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ là bộ phận trực thuộc Tổng Giám đốc có chức năng và nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty.
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty. Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.

- Đề xuất các chiến lược, chính sách và thủ tục quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với các mục tiêu chiến lược chung của TVS trình cho Tổng Giám đốc xem xét.
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ. Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt. Trường bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.
- Giúp TGD trong việc tối đa hóa nhận thức rủi ro và huấn luyện nhận thức rủi ro tại TVS.

Khởi hỗ trợ:

Công nghệ Thông tin (IT)

Phòng Công nghệ thông tin có chức năng đảm bảo duy trì hệ thống Công nghệ thông tin của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của TVS.

Tài chính Kế toán

Phòng ghi chép mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính để phục quản lý và thống kê kinh doanh. Phòng này có chức năng quản lý tiền mặt và hoạt động ngân quỹ.

Kiểm tra và kiểm soát chi phí trong nghiệp vụ thanh toán phát sinh của các phòng ban cho hợp lý và đúng theo qui định của Công ty.

Hành chính – nhân sự

Phòng hành chính có chức năng quản lý cơ sở vật chất và đảm bảo cho hoạt động tại trụ sở công ty như hệ thống điện, nước, công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phương tiện vận chuyển, hoạt động văn thư, lễ tân.

- Tổ chức tuyển dụng và đào tạo cán bộ nhân viên.
- Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nhân viên hàng năm và hệ thống thông tin nhân viên trong toàn công ty.
- Tăng cường nghiệp vụ quản trị nhân sự để phát triển nguồn nhân lực cho Công ty.

Pháp chế

- Tư vấn pháp luật cho Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ và giảm thiểu rủi ro về mặt pháp lý.
- Thẩm định về mặt pháp lý trong các các hoạt động của Công ty.
- Soạn thảo, xây dựng, sửa đổi các văn kiện điều lệ, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Văn bản, thoả thuận, hợp đồng trong hoạt động thương mại với các đối tác.
- Đưa ra các giải pháp về mặt pháp lý cho các tranh chấp, khiếu nại phát sinh từ các hợp đồng, các quan hệ kinh tế, lao động, dân sự, ... giữa Công ty với đối tác hoặc bên thứ ba.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị bao gồm 7 thành viên nhiệm kỳ 2019-2024 được bầu lại vào Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trong đó có 2 thành viên độc lập với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	TV độc lập/ không độc lập	Tỷ lệ sở hữu 11/03/2019
1	Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Không độc lập	29.70%
2	Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Không độc lập	4.77%
3	Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Không độc lập	0.00%
4	Ông Phan Minh Tâm	Thành viên	Độc lập	0.00%
5	Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Không độc lập	1.36%
6	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Độc lập	0.00%
7	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Không độc lập	0.46%

Ông Phan Minh Tâm và Ông Nguyễn Thành Nam là hai thành viên HĐQT độc lập mới thay thế Ông Phan Thanh Diện và Ông Phạm Ngọc Quỳnh thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng đầu tư trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định vấn đề về đầu tư, kinh doanh vốn của Công ty. Hội đồng đầu tư bao gồm các thành viên sau:

- Ông Nguyễn Trung Hà
- Bà Đinh Thị Hoa
- Bà Nguyễn Thanh Thảo
- Bà Bùi Thị Kim Oanh

Tiểu ban quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị cập nhật khẩu vị và chính sách rủi ro cho TVS. Định kỳ sáu tháng, Bộ phận QTRR sẽ gửi báo cáo danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện cùng với kế hoạch hành động và kết quả giám sát đến Tiểu ban QTRR.

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2018, HĐQT TVS đã thực hiện 11 cuộc họp, trong đó có 3 cuộc họp tập trung và 8 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2018 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	06032018/NQ HĐQT-1	06/03/2018	Thông qua Phương án bán Cổ phiếu quỹ
2	06032018/NQ HĐQT-2	06/03/2018	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông
3	06032018/NQ HĐQT-3	06/03/2018	Tái bổ nhiệm CEO
4	03042018/NQ HĐQT	03/04/2018	Thông qua chương trình ĐHCĐ
4	06042018/NQ HĐQT	06/04/2018	Thông qua việc sửa chữa Văn phòng
5	160418/NQ HĐQT	16/04/2018	Thông qua hạn mức đầu tư
6	140518/NQ HĐQT	14/05/2018	Thông qua việc vay vốn
7	070618/ NQ HĐQT-01	07/06/2018	Cổ tức năm 2017 bằng tiền 6%, bằng cổ phiếu 9% và cổ phiếu thưởng 1%
8	070618/ NQ HĐQT-02	07/06/2018	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị
9	190618/ NQ HĐQT	19/06/2018	Thông qua EY là DN kiểm toán
10	08082018/NQ HDQT	08/08/2018	Thông qua Tăng vốn Điều lệ lên 635.023.750.000 và sửa đổi Điều lệ
11	07092018/NQ-HĐQT	07/09/2018	Thông qua hợp đồng bán cổ phiếu

12	13092018/NQ-HĐQT	13/09/2018	Thông qua Phương án bán Cổ phiếu quỹ
13	27112018/NQ-HĐQT	27/11/2018	Thông qua Phương án bán Cổ phiếu quỹ

Hoạt động thành viên quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại cơ cấu thành viên HĐQT của TVS chỉ có 2/7 thành viên tham gia điều hành, có 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Việc tuân thủ đúng quy định này giúp HĐQT có thể đưa ra các quyết định một cách khách quan và độc lập.

Có 5 thành viên HĐQT tham gia làm thành viên trong các Tiểu ban trực thuộc HĐQT. Do vậy ngoài nhiệm vụ chung của HĐQT, các thành viên này còn đảm trách các công việc được giao tại Tiểu ban mình tham gia.

BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ

Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 được bầu lại vào Đại hội đồng cổ đông năm 2019 ngày 29/03/2019 với 2 thành viên tái trúng cử

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu 11/03/2019
1	Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	0.01%
2	Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	0.11%

Bà Văn Thị Lan Hương thôi giữ chức vụ thành viên ban Kiểm soát do hết nhiệm kỳ

GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Trung Hà	CT HĐQT	16.655.298	28.78 %	16.955.298	29.3 %	Mua
2	Đỗ Việt Hùng	Trưởng BKS	35.970	0.06%	9.000	0.014 %	Bán
3	Lâm Thị Tú Kiều	Người liên quan (Vợ)	203.503	0.32%	0	0%	Bán

Giao dịch/hợp đồng với cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
	CTCP Quản Lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)	Cty con	01/2016, tái tục hằng năm	Quản lý danh mục đầu tư cho TVS

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giao dịch nội bộ

Chi thù lao cho HĐQT là 1.050 triệu đồng và BKS là 300 triệu đồng trong năm 2018 theo ngân sách đã ĐHCĐ được phê duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

Nhân sự Ban điều hành trong năm 2018 bao gồm:

- Bà Nguyễn Thanh Thảo – Tổng giám đốc
- Ông Lê Quang Tiến – Kế toán trưởng

• Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Thanh Thảo

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: .
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Sở hữu cổ phần: 293.754 cổ phần, 0,46%
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Văn phòng luật sư Liebovitz & Do, Mỹ	Phụ trách văn phòng Luật
2000 – 2006	Amerquest Capital Holdings, Mỹ	Chuyên viên phân tích tài chính
1/2007 - 1/2009	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Trưởng phòng phân tích
2/2009 – 3/2013	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Giám đốc Chi nhánh
3/2013 – nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Tổng Giám đốc

• **Kế toán trưởng: Ông Lê Quang Tiến**

- Họ và tên: Lê Quang Tiến Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Cổ phần sở hữu: 165.791 cổ phần, tương đương 0.26%
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2005	Công ty SX bao bì Hanpack	Kế toán trưởng
5/2005 -12/2006	Công ty TNHH V.I.S.T.A	Giám đốc Tài chính
2007 – nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong ban điều hành: không có

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHẦN IV: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

25 / Y N J, P. 11, V. 11

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần: Công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 63.502.375 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 63.502.375 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

- Theo tiêu chí cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	01	29,7%
Cổ đông nhỏ	957	70,3%

- Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	38	17,93%
Cổ đông cá nhân	920	82,07%

- Theo tiêu chí sở hữu nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	922	83,42%
Cổ đông nước ngoài	36	16,58 %

- Theo tiêu chí sở hữu nhà nước:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước	0	0
Cổ đông ngoài nhà nước	958	100%

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 9% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 9 cổ phiếu);
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 1 cổ phiếu)

Tổng 2 đợt phát hành trên, Công ty tăng vốn điều lệ từ 578.710.410.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ bảy trăm mười triệu bốn trăm mười nghìn đồng) lên 635.023.750.000 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm tỷ không trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn).

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Từ tháng 03/2018 đến 31/01/2019, Công ty đã đăng ký thực hiện giao dịch bán 2.826.000 cổ phiếu quỹ, cụ thể như sau:

- Từ ngày 05/04/2018 đến 04/05/2018:
 - Số lượng trước khi đăng ký giao dịch: 2.826.000 cổ phiếu
 - Số lượng đã thực hiện: 1.276.000 cổ phiếu
 - Số lượng hiện có: 1.550.000 cổ phiếu
 - Giá giao dịch bình quân: 14.185 đồng/cổ phiếu
 - Phương thức giao dịch: Khớp lệnh/thỏa thuận
 - Nguyên nhân không thực hiện được hết số lượng đăng ký: Do điều kiện thị trường không phù hợp
- Từ ngày 02/01/2019 đến 29/01/2019:
 - Số lượng trước khi đăng ký giao dịch: 1.550.000 cổ phiếu
 - Số lượng đã thực hiện: 1.550.000 cổ phiếu
 - Số lượng hiện có: 0 cổ phiếu
 - Giá giao dịch bình quân: 14.071 đồng/cổ phiếu
 - Phương thức giao dịch: Khớp lệnh/thỏa thuận

Hà Nội, Ngày 05 tháng 04 năm 2019

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN TRUNG HÀ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính:

Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ,
Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-024) 3248 4820

Fax: (84-024) 3248 4821

Website: <http://www.tvs.vn>

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Tầng 9, 63 Võ Văn Tần, Phường 6
Quận 3, TPHCM

Điện thoại: (84-028) 6299 2099

Fax: (84-028) 6299 2088

Email: info@tvs.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	11 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	17
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	18 - 60

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND
67/GPĐC-UBCK	29/08/2018	Thay đổi vốn điều lệ từ 578.710.410.000 VND lên 635.023.750.000 VND

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 635.023.750.000 VND, vốn chủ sở hữu là 873.749.527.202 VND và tổng tài sản là 2.685.174.150.228 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

Công ty con

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty con có trụ sở tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm 99,20% phần vốn chủ sở hữu và 99,20% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 99,20%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo, bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2013.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Nguyễn Trung Hà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thanh Thảo được ông Nguyễn Trung Hà ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo giấy ủy quyền số 03-13/UQ-HĐQT ngày 5 tháng 4 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61061644/20392083-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.666.742.261.799	1.591.655.614.846
110	I. Tài sản tài chính		2.665.783.743.516	1.590.840.009.021
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	85.833.076.149	10.988.468.334
111.1	1.1 Tiền		69.033.076.149	10.988.468.334
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		16.800.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.1	405.395.216.341	416.509.148.740
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.3	1.868.720.581.764	926.550.000.000
114	4. Các khoản cho vay	6.4	174.053.465.157	155.698.810.546
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.2	30.847.363.882	12.058.258.872
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.6	(2.934.808.718)	(2.934.808.718)
117	7. Các khoản phải thu	7	103.498.552.488	36.763.989.867
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		16.472.830.000	485.000.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		87.025.722.488	36.278.989.867
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		87.025.722.488	36.278.989.867
118	8. Trả trước cho người bán	8	148.463.600	20.537.608.605
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	200.722.154	14.570.616.588
122	10. Các khoản phải thu khác		21.110.699	97.916.187
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		958.518.283	815.605.825
131	1. Tạm ứng		8.538.462	23.688.462
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	907.849.179	791.917.363
136	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	20	42.130.642	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.431.888.429	21.417.789.049
220	I. Tài sản cố định		6.313.829.575	7.867.286.360
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.689.870.565	4.133.054.866
222	1.1 Nguyên giá		19.565.987.347	18.601.562.857
223a	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(15.876.116.782)	(14.468.507.991)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.623.959.010	3.734.231.494
228	2.1 Nguyên giá		12.133.276.309	12.133.276.309
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(9.509.317.299)	(8.399.044.815)
250	II. Tài sản dài hạn khác		12.118.058.854	13.550.502.689
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	1.095.248.799	1.085.753.762
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.335.439.919	838.611.169
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	2.136.564.460	2.136.564.460
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	4.713.413.896	4.271.381.518
256	5. Lợi thế thương mại	16	2.837.391.780	5.218.191.780
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.685.174.150.228	1.613.073.403.895

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.811.424.623.026	867.952.367.874
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.643.244.348.533	855.525.038.547
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		1.557.025.000.000	802.221.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	19	1.557.025.000.000	802.221.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	180.280.993	307.025.126
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.754.160.116	2.666.634.224
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	40.406.202.356	25.554.507.355
323	5. Phải trả người lao động		10.925.295.442	13.881.878.411
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	13.768.739.124	3.860.739.445
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	1.552.517.536	1.424.380.396
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	17.632.152.966	5.608.873.590
340	II. Nợ phải trả dài hạn		168.180.274.493	12.427.329.327
341	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn		165.000.000.000	-
342	1.1 Vay dài hạn	19	165.000.000.000	-
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	14	3.180.274.493	12.427.329.327
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		873.749.527.202	745.121.036.021
410	I. Vốn chủ sở hữu		873.749.527.202	745.121.036.021
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		636.300.714.300	546.068.600.800
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		635.023.750.000	578.710.410.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		635.023.750.000	578.710.410.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		14.120.765.418	1.089.741.383
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		(12.843.801.118)	(33.731.550.583)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		9.927.315.120	7.866.772.189
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		38.492.745.120	30.803.482.189
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	24.2	188.723.099.104	159.989.687.941
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		176.069.585.132	103.495.090.632
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		12.653.513.972	56.494.597.309
418	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	305.653.558	392.492.902
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.685.174.150.228	1.613.073.403.895

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	26.1	38.032.022.388	38.032.022.388
005	2. Ngoại tệ các loại	26.2	3.067.766.828	2.691.216.466
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	26.3	61.952.375	53.800.291
007	4. Cổ phiếu quỹ (*)	26.4	1.550.000	4.070.750
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	26.5	201.770.440.000	167.198.500.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	26.6	2.630.000	34.002.530.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	26.7	6.133.330.000	1.000.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	26.8	43.684.040.000	9.198.700.000
013	9. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	26.9	1.230.000.000	400.000.000

(*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	26.10	1.049.748.400.000	979.097.190.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		966.764.400.000	884.137.090.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.673.000.000	3.230.500.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		79.200.000.000	79.200.000.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		2.111.000.000	12.529.600.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	26.11	9.020.670.000	34.985.650.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		9.020.670.000	34.985.650.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	26.12	2.719.120.000	29.631.200.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	26.13	29.224.690.000	405.020.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của khách hàng	26.14	137.373.913.506	104.916.932.948
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		137.363.335.613	104.910.816.409
029	5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		10.577.893	6.116.539
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		10.168.269	5.707.897
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		409.624	408.642
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.15	137.373.913.506	104.916.932.948
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		137.149.295.895	104.771.676.324
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		224.617.611	145.256.624
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26.16	1.537.158.235	1.409.021.095

Bà Hà Thanh Hòa
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		269.009.759.289	301.717.724.586
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	170.772.031.632	144.370.348.492
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	91.938.501.857	140.105.564.794
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.3	6.299.225.800	17.241.811.300
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	27.3	116.293.394.765	70.404.992.226
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.3	21.153.347.569	12.307.244.580
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		21.498.768.404	12.156.183.521
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		491.030.025	457.626.881
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		52.255.590.909	1.714.545.454
11	7. Thu nhập hoạt động khác	29	5.356.403.489	14.827.060.928
20	Cộng doanh thu hoạt động		486.058.294.450	413.585.378.176
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(158.413.450.941)	(90.825.473.917)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	(13.295.028.625)	(19.471.224.431)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	(145.013.776.028)	(71.128.918.158)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(104.646.288)	(225.331.328)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	28	(13.298.083.741)	(7.592.768.746)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	30	(7.871.693.342)	(4.439.267.697)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31	(11.853.683.395)	(11.401.023.379)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(502.166.186)	(455.843.128)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	32	(11.228.060.117)	(10.887.399.288)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác	33	(5.155.169.493)	(14.884.249.817)
40	Cộng chi phí hoạt động		(208.322.307.215)	(140.486.025.972)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		69.265.418	4.115.802
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		1.524.810.436	1.166.142.601
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	34	1.594.075.854	1.170.258.403
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(518.364)	(21.647.110)
52	2. Chi phí lãi vay		(78.332.671.547)	(45.347.385.469)
60	Cộng chi phí tài chính	35	(78.333.189.911)	(45.369.032.579)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	36	(24.180.319.968)	(25.407.813.246)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		176.816.553.210	203.492.764.782
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		-	5.188.327.939
72	2. Chi phí khác		(55)	(232.849.227)
80	Cộng kết quả hoạt động khác	37	(55)	4.955.478.712
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		176.816.553.155	208.448.243.494
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		229.891.827.326	139.471.596.858
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(53.075.274.171)	68.976.646.636
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	38	(36.190.931.498)	(40.246.932.428)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.2	(45.437.986.332)	(27.337.909.101)
100.2	2. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	38.3	9.247.054.834	(12.909.023.327)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		140.625.621.657	168.201.311.066
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ chủ sở hữu		140.599.593.875	168.017.919.807
203	2. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		26.027.782	183.391.259

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTCK/VN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT		140.625.621.657	168.201.311.066
401	1. Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		140.599.593.875	168.017.919.807
402	2. Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		26.027.782	183.391.259
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		140.599.593.875	168.017.919.807
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	39.4	2.290	2.636



Bà Hà Thanh Hòa
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03b-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		176.816.553.155	208.448.243.494
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		(3.794.369.666)	13.696.665.263
03	- Khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại		4.898.681.275	4.728.269.661
06	- Chi phí lãi vay	35	78.332.671.547	45.347.385.469
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(100.000.000)
08	- Dự thu tiền lãi	7	(87.025.722.488)	(36.278.989.867)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		145.013.776.028	71.133.889.225
11	- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	27.2	145.013.776.028	71.128.918.158
13	- Hoàn nhập suy giảm giá trị các khoản cho vay	28	-	(661.198.933)
	- Lỗi suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính AFS	28	-	666.170.000
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(91.938.501.857)	(181.859.016.170)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	27.2	(91.938.501.857)	(140.105.564.794)
21	- Lãi đánh giá lại TSTC năm trước đã thực hiện		-	(41.753.451.376)
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.070.246.711.395)	(252.645.765.459)
31	- (Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(41.961.341.772)	67.357.360.994
32	- Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM		(942.170.581.764)	(177.050.000.000)
33	- Tăng các khoản cho vay		(18.354.654.611)	(64.699.426.848)
34	- Tăng tài sản sẵn tài chính sẵn sàng để bán AFS		(18.789.105.010)	-
35	- (Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(15.987.830.000)	19.067.500.000
36	- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		36.278.989.867	21.651.282.243
37	- Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		14.369.894.434	(10.728.109.891)
39	- Giảm các khoản phải thu khác		20.465.950.493	11.881.431.486
40	- (Tăng)/giảm các tài sản khác		(426.882.378)	107.067.018
41	- Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		170.000.000	(2.839.518)
42	- Tăng chi phí trả trước		(612.760.566)	(27.997.338)
43	- Thuế TNDN đã nộp	20	(30.735.664.415)	(16.138.133.002)
44	- Lãi vay đã trả		(68.594.671.868)	(42.371.792.080)
45	- Giảm phải trả cho người bán		(912.474.108)	(88.425.264.175)
47	- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		107.242.442	1.016.764.998
48	- (Giảm)/tăng phải trả người lao động		(2.956.582.969)	7.843.326.369
50	- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(126.744.133)	70.640.047
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	17.802.424.238
52	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9.495.037)	-
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(844.149.253.735)	(141.225.983.647)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03b-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	11	(964.424.490)	(1.533.509.845)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	100.000.000
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(964.424.490)	(1.433.509.845)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		33.918.773.500	-
73	Tiền vay gốc	19	7.284.389.660.000	4.590.510.396.787
73.2	- Tiền vay khác		7.284.389.660.000	4.590.510.396.787
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(6.364.585.660.000)	(4.424.822.396.787)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(6.364.585.660.000)	(4.424.822.396.787)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(33.764.487.460)	(29.546.999.880)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		919.958.286.040	136.141.000.120
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		74.844.607.815	(6.518.493.372)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	10.988.468.334	17.506.961.706
101.1	Tiền		10.988.468.334	16.506.961.706
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	85.833.076.149	10.988.468.334
103.1	Tiền		69.033.076.149	10.988.468.334
103.2	Các khoản tương đương tiền		16.800.000.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03b-CTCK/HN

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		762.626.210.300	612.538.037.100
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(703.081.936.300)	(619.779.870.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.822.767.883.350	1.345.296.197.748
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.905.766.918.560)	(1.346.466.908.968)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(446.051.023)	(449.695.250)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		65.602.367.791	63.804.395.844
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(9.244.575.000)	(9.790.164.000)
20	Tăng tiền thuần trong năm		32.456.980.558	45.151.992.474
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	26.14	104.916.932.948	59.764.940.474
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		104.916.932.948	59.764.940.474
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.910.816.409	59.758.999.483
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		6.116.539	5.940.991
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	26.14	137.373.913.506	104.916.932.948
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		137.373.913.506	104.916.932.948
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		137.363.335.613	104.910.816.409
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		10.577.893	6.116.539

Bà Hà Thanh Hòa
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Ngày 1/1/2017 VND	Ngày 1/1/2018 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2017 VND	Ngày 31/12/2018 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	501.653.250.800	546.068.600.800	44.415.350.000	-	69.344.364.035	20.887.749.465	546.068.600.800	636.300.714.300
1.1 Cổ phiếu phổ thông	534.295.060.000	578.710.410.000	44.415.350.000	-	56.313.340.000	-	578.710.410.000	635.023.750.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	1.089.741.383	1.089.741.383	-	-	13.031.024.035	-	1.089.741.383	14.120.765.418
1.3 Cổ phiếu quỹ	(33.731.550.583)	(33.731.550.583)	-	-	-	20.887.749.465	(33.731.550.583)	(12.843.801.118)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	11.732.959.822	7.866.772.189	6.002.122.367	(9.868.310.000)	7.689.262.931	(5.628.720.000)	7.866.772.189	9.927.315.120
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	24.801.359.822	30.803.482.189	6.002.122.367	-	7.689.262.931	-	30.803.482.189	38.492.745.120
4. Lợi nhuận chưa phân phối	71.599.020.965	159.989.687.941	168.017.919.807	(79.627.252.831)	184.440.677.212	(155.707.266.049)	159.989.687.941	188.723.099.104
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	71.599.020.965	103.495.090.632	111.523.322.498	(79.627.252.831)	184.440.677.212	(111.866.182.712)	103.495.090.632	176.069.585.132
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-	56.494.597.309	56.494.597.309	-	-	(43.841.083.337)	56.494.597.309	12.653.513.972
5. Lợi ích của cổ đông thiểu số	262.185.400	392.492.902	183.391.259	(53.083.757)	26.027.782	(112.867.126)	392.492.902	305.653.558
TỔNG CỘNG	610.048.776.809	745.121.036.021	224.620.905.800	(89.548.646.588)	269.189.594.891	(140.561.103.710)	745.121.036.021	873.749.527.202

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 070618/NQ-HĐQT-01 ngày 7 tháng 6 năm 2018, Công ty đã trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% và bằng cổ phiếu với tỷ lệ 9% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ngoài ra, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1%.

Bà Hà Thanh Hòa

Bà Hà Thanh Hòa
Người lập

Ông Lê Quang Tiến

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các văn bản sửa đổi khác.

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND
67/GPĐC-UBCK	29/08/2018	Thay đổi vốn điều lệ từ 578.710.410.000 VND lên 635.023.750.000 VND

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 67 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 67 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 635.023.750.000 VND, vốn chủ sở hữu là 873.749.527.202 VND và tổng tài sản là 2.685.174.150.228 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lộ lẽ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty con

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty con có trụ sở tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm 99,20% phần vốn chủ sở hữu và 99,20% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 99,20%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 *Báo cáo tài chính giữa niên độ*

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

3.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, những công cụ này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- ▶ Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- ▶ Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

3.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán..
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính* (tiếp theo)

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Nhóm Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Nhóm Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Nhóm Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Nhóm Công ty. Trong trường hợp đó, Nhóm Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Nhóm Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Nhóm Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.8 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Nhóm Công ty khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Nhóm Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phát sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 *Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp*

Trong năm, Nhóm Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Nhóm Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Nhóm Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Nhóm Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Nhóm Công ty sau khoản thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Nhóm Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

3.11 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.17 Các khoản vay

Các khoản vay được phát hành bởi Nhóm Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

3.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.19 Lợi ích của nhân viên

3.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Nhóm Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.19.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

3.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Nhóm Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Nhóm Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.26 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Các quỹ

Nhóm Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Nhóm Công ty.

3.27 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Nhóm Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.28 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	254.440.642	188.841.197
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Nhóm Công ty	68.778.635.507	10.799.627.137
Các khoản tương đương tiền	16.800.000.000	-
	85.833.076.149	10.988.468.334

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Nhóm Công ty	43.514.637	4.205.469.211.183
- Cổ phiếu	23.513.237	652.168.953.383
- Trái phiếu	17.001.400	3.519.429.162.800
- Chứng chỉ quỹ	3.000.000	33.871.095.000
b. Của nhà đầu tư	267.001.343	5.848.730.605.900
- Cổ phiếu	263.345.703	5.806.321.698.900
- Chứng chỉ quỹ	3.655.640	42.408.907.000
	310.515.980	10.054.199.817.083

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu				
niêm yết	235.696.661.803	248.665.950.291	264.940.661.614	306.085.821.050
MWG	32.895.050.000	32.002.080.000	20.426.981.000	20.305.000.000
KBC	29.011.895.999	27.878.065.750	19.252.832.145	18.358.067.000
FPT	23.051.205.806	23.370.613.200	13.458.679.362	20.557.941.400
TCM	21.913.797.567	21.160.207.000	9.788.057.426	11.420.256.950
MBB	15.442.000.000	14.004.000.000	2.449.500.000	2.540.000.000
CEO	12.759.108.476	13.184.000.000	23.627.103.332	22.464.000.000
HUT	11.777.248.276	4.066.000.000	17.077.010.000	15.660.000.000
TPB	10.640.000.000	33.993.383.550	-	-
CII	10.215.970.482	8.135.116.000	10.569.269.189	11.232.596.700
CTD	9.435.119.352	9.600.480.000	458.352	679.500
Cổ phiếu khác	58.555.265.845	61.272.004.791	148.290.770.808	183.547.279.500
Cổ phiếu chưa				
niêm yết	61.346.087.073	44.089.266.050	24.011.840.490	45.003.327.690
Cổ phiếu UPCoM				
BSR	36.857.398.435	24.115.000.000	-	-
LPB	24.476.720.001	19.971.000.000	-	-
TPB	-	-	24.000.000.000	45.000.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	11.968.637	3.266.050	11.840.490	3.327.690
Chứng chỉ quỹ	92.451.095.000	112.640.000.000	58.580.000.000	65.420.000.000
FUCTVGF1	58.111.095.000	78.300.000.000	24.240.000.000	31.080.000.000
FUCTVGF2	34.340.000.000	34.340.000.000	34.340.000.000	34.340.000.000
	389.493.843.876	405.395.216.341	347.532.502.104	416.509.148.740

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	27.847.363.882	27.847.363.882	9.058.258.872	9.058.258.872
- CTCP Viễn Thông Tinh Vân	3.000.000.000	645.350.000	3.000.000.000	645.350.000
	30.847.363.882	28.492.713.882	12.058.258.872	9.703.608.872

6.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	1.868.720.581.764	1.868.720.581.764	926.550.000.000	926.550.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng (31/12/2017: kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng).

Nhóm Công ty có sử dụng một số khoản tiền gửi kỳ hạn là 1.597.775 triệu đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (31/12/2017: 757.670 triệu đồng).

6.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	173.000.406.140	172.420.247.422	142.834.048.089	142.253.889.371
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	1.053.059.017	1.053.059.017	12.864.762.457	12.864.762.457
	174.053.465.157	173.473.306.439	155.698.810.546	155.118.651.828

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (thuyết minh 6.6).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Tính hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước			
	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)								
1. Cổ phiếu niêm yết								
MWG	32.895.050.000	-	892.970.000	32.002.080.000	20.426.981.000	-	121.981.000	20.305.000.000
KBC	29.011.895.999	-	1.133.830.249	27.878.065.750	19.252.832.145	-	894.765.145	18.358.067.000
FPT	23.051.205.806	319.407.394	-	23.370.613.200	13.458.679.362	7.099.262.038	-	20.557.941.400
TCM	21.913.797.567	-	753.590.567	21.160.207.000	9.788.057.426	1.632.199.324	-	11.420.256.950
MBB	15.442.000.000	-	1.438.000.000	14.004.000.000	2.449.500.000	90.500.000	-	2.540.000.000
CEO	12.759.108.476	424.891.524	-	13.184.000.000	23.627.103.332	-	1.163.103.332	22.464.000.000
HUT	11.777.248.276	-	7.711.248.276	4.066.000.000	17.077.010.000	-	1.417.010.000	15.660.000.000
TPB	10.640.000.000	23.353.383.550	-	33.993.383.550	-	663.327.511	-	11.232.596.700
CII	10.215.970.482	-	2.080.854.482	8.135.116.000	10.569.269.189	-	-	679.500
CTD	9.435.119.352	165.360.648	-	9.600.480.000	458.352	221.148	-	183.547.279.500
Khác	58.555.265.845	10.987.755.260	8.271.016.314	61.272.004.791	148.290.770.808	40.916.609.173	5.660.100.481	-
	235.696.661.803	35.250.798.376	22.281.509.888	248.665.950.291	264.940.661.614	50.402.119.394	9.256.959.958	306.085.821.050
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
Cổ phiếu UPCoM	36.857.398.435	-	12.742.398.435	24.115.000.000	-	-	-	-
BSR	24.476.720.001	-	4.505.720.001	19.971.000.000	-	-	-	-
LPB	-	-	-	-	24.000.000.000	21.000.000.000	-	45.000.000.000
TPB	-	-	-	-	-	-	-	-
CP chưa niêm yết khác	11.968.637	401.503	9.104.090	3.266.050	11.840.490	585.950	9.098.750	3.327.690
	61.346.087.073	401.503	17.257.222.526	44.089.266.050	24.011.840.490	21.000.585.950	9.098.750	45.003.327.690
3. Chứng chỉ quỹ								
FUCTVGF1	58.111.095.000	20.188.905.000	-	78.300.000.000	24.240.000.000	6.840.000.000	-	31.080.000.000
FUCTVGF2	34.340.000.000	-	-	34.340.000.000	34.340.000.000	-	-	34.340.000.000
	92.451.095.000	20.188.905.000	-	112.640.000.000	58.580.000.000	6.840.000.000	-	65.420.000.000
	389.493.843.876	55.440.104.879	39.538.732.414	405.395.216.341	347.532.502.104	78.242.705.344	9.266.058.708	416.509.148.740

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản cho vay	580.158.718	580.158.718
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.354.650.000	2.354.650.000
	2.934.808.718	2.934.808.718

Chi tiết các TSTC hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá các TSTC như sau:

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng				Giá trị dự phòng năm nay VND	Giá trị dự phòng năm trước VND	Mức trích lập dự phòng năm nay VND
		Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý VND	Giá trị dự phòng năm nay VND			
I	HTM Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		1.868.720.581.764	1.868.720.581.764	-	-	-	
			1.868.720.581.764	1.868.720.581.764	-	-	-	
II	Cho vay Cho vay kỳ quỹ Ứng trước		174.053.465.157	173.473.306.439	(580.158.718)	(580.158.718)	-	
			173.000.406.140	172.420.247.422	(580.158.718)	(580.158.718)	-	
			1.053.059.017	1.053.059.017	-	-	-	
III	AFS (cổ phiếu) CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến CTCP Viễn Thông Tinh Vân		968.404	30.847.363.882	28.492.713.882	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	
			918.404	27.847.363.882	27.847.363.882	-	-	
			50.000	3.000.000.000	645.350.000	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	
			2.073.621.410.803	2.070.686.602.085	(2.934.808.718)	(2.934.808.718)		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu bán chứng khoán	16.472.830.000	485.000.000
- Cổ phiếu niêm yết	-	485.000.000
- Trái phiếu	16.472.830.000	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	87.025.722.488	36.278.989.867
- Cổ tức	136.299.200	592.003.200
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	86.889.423.288	35.686.986.667
	103.498.552.488	36.763.989.867

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng mua chứng chỉ quỹ Đầu tư	-	19.845.490.000
Tăng trưởng TVAM	148.463.600	692.118.605
Tạm ứng khác	-	-
	148.463.600	20.537.608.605

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí quản lý Quỹ đầu tư Tăng trưởng TVAM	-	12.791.902.386
Phải thu phí tư vấn	52.700.000	1.632.700.000
Phải thu phí lưu ký	134.593.242	90.219.587
Phải thu phí giao dịch	13.428.912	55.794.615
	200.722.154	14.570.616.588

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	907.849.179	791.917.363
- Phí bảo trì hệ thống	302.500.794	299.806.249
- Tiền thuê văn phòng	211.153.197	143.073.000
- Phí bảo hiểm	32.135.143	12.756.981
- Chi trang phục cho nhân viên	37.246.185	-
- Phí dịch vụ khác	324.813.860	336.281.133
Chi phí trả trước dài hạn	1.335.439.919	838.611.169
- Thiết bị tin học	448.246.618	465.442.619
- Công cụ, dụng cụ	279.689.379	346.535.219
- Chi phí sửa chữa văn phòng	564.053.925	-
- Khác	43.449.997	26.633.331
	2.243.289.098	1.630.528.532

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.491.567.770	15.016.277.507	1.891.120.700	202.596.880	18.601.562.857
Mua trong năm	-	964.424.490	-	-	964.424.490
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.491.567.770	15.980.701.997	1.891.120.700	202.596.880	19.565.987.347
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.491.567.770	12.417.139.213	357.204.128	202.596.880	14.468.507.991
Khấu hao trong năm	-	1.092.422.011	315.186.780	-	1.407.608.791
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.491.567.770	13.509.561.224	672.390.908	202.596.880	15.876.116.782
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	2.599.138.294	1.533.916.572	-	4.133.054.866
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	2.471.140.773	1.218.729.792	-	3.689.870.565

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.362.084.312 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 12.204.252.612 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	9.831.729.909	2.301.546.400	12.133.276.309
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	9.831.729.909	2.301.546.400	12.133.276.309
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	6.097.498.415	2.301.546.400	8.399.044.815
Hao mòn trong năm	1.110.272.484	-	1.110.272.484
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	7.207.770.899	2.301.546.400	9.509.317.299
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	3.734.231.494	-	3.734.231.494
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.623.959.010	-	2.623.959.010

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.756.247.195 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6.756.247.195 đồng).

13. CẢM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	771.901.000	771.901.000
Đặt cọc thanh toán thẻ visa	250.000.000	200.000.000
Đặt cọc dài hạn khác	73.347.799	113.852.762
	1.095.248.799	1.085.753.762

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 38.3)	470.930.000	470.930.000
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 38.3)	1.665.634.460	1.665.634.460
	2.136.564.460	2.136.564.460
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 38.3)	3.180.274.493	12.427.329.327

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mới giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.593.413.896	4.151.381.518
	<u>4.713.413.896</u>	<u>4.271.381.518</u>

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua lại 99,2% cổ phần công ty con TVAM trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Giá gốc		
Số đầu năm	11.904.000.000	11.904.000.000
Số cuối năm	11.904.000.000	11.904.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	6.685.808.220	4.305.008.220
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 36)	2.380.800.000	2.380.800.000
Số cuối năm	9.066.608.220	6.685.808.220
Giá trị ghi sổ		
Số đầu năm	5.218.191.780	7.598.991.780
Số cuối năm	2.837.391.780	5.218.191.780

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	116.057.190	238.066.642
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	64.223.803	68.958.484
	180.280.993	307.025.126

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả mua các tài sản tài chính	1.723.000.000	2.572.797.000
Phải trả khác	31.160.116	93.837.224
	1.754.160.116	2.666.634.224

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	802.221.000.000	7.084.389.660.000	6.329.585.660.000	1.557.025.000.000
- Tổ chức tài chính	754.221.000.000	7.079.389.660.000	6.284.585.660.000	1.549.025.000.000
- Tổ chức kinh tế	48.000.000.000	-	40.000.000.000	8.000.000.000
- Khác	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Vay dài hạn	-	200.000.000.000	35.000.000.000	165.000.000.000
- Tổ chức kinh tế	-	200.000.000.000	35.000.000.000	165.000.000.000
	802.221.000.000	7.284.389.660.000	6.364.585.660.000	1.722.025.000.000

Lãi suất vay hàng năm của các khoản vay trên là 5,10% - 8,50% và các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 6.3).

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 38)	20.744.688.457	45.437.986.332	(30.735.664.415)	35.447.010.374
2	Thuế giá trị gia tăng	143.636.364	5.227.939.091	(5.371.575.455)	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	4.666.182.534	10.554.197.442	(10.303.318.636)	4.917.061.340
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	3.345.201.512	6.080.477.978	(4.776.231.058)	4.649.448.432
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	386.061.060	2.690.400.673	(2.905.575.095)	170.886.638
	- Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	304.202.352	353.163.242	(560.639.324)	96.726.270
	- Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	630.717.610	1.430.155.549	(2.060.873.159)	-
4	Thuế khác	-	237.439.247	(237.439.247)	-
		25.554.507.355	61.457.562.112	(46.647.997.753)	40.364.071.714

Trong đó:

- Số thuế phải thu
- Số thuế phải trả

(42.130.642)
40.406.202.356

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	13.348.739.124	3.610.739.445
Phải trả chi phí dịch vụ chuyên môn	420.000.000	250.000.000
	13.768.739.124	3.860.739.445

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.537.158.235	1.409.021.095
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.359.301	15.359.301
	1.552.517.536	1.424.380.396

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	5.608.873.590	2.145.075.336
Trích trong năm	12.023.279.376	3.463.798.254
- Từ lợi nhuận của cổ đông Công ty (Thuyết minh 24.2)	12.010.412.250	3.460.714.497
- Từ lợi nhuận của cổ đông thiểu số (Thuyết minh 25)	12.867.126	3.083.757
Số cuối năm	17.632.152.966	5.608.873.590

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

24.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	63.502.375	57.871.041
Cổ phiếu thường	63.502.375	57.871.041
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	63.502.375	57.871.041
Cổ phiếu thường	63.502.375	57.871.041
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.550.000	4.070.750
Cổ phiếu thường	1.550.000	4.070.750
Số lượng cổ phần đang lưu hành	61.952.375	53.800.291
Cổ phiếu thường	61.952.375	53.800.291

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	176.069.585.132	103.495.090.632
Lợi nhuận chưa thực hiện	12.653.513.972	56.494.597.309
	188.723.099.104	159.989.687.941

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	103.495.090.632	71.599.020.965
Lợi nhuận chưa thực hiện đầu năm	56.494.597.309	-
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	(43.841.083.337)	56.494.597.309
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	184.440.677.212	111.523.322.498
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông	300.589.281.816	239.616.940.772
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(27.388.938.112)	(15.464.959.231)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	(12.010.412.250)	(3.460.714.497)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(7.689.262.931)	(6.002.122.367)
- Quỹ dự phòng tài chính	(7.689.262.931)	(6.002.122.367)
Số lãi phân phối cho cổ đông	(84.477.244.600)	(64.162.293.600)
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	(33.792.624.600)	(29.615.253.600)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	(50.684.620.000)	(34.547.040.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông cuối năm	188.723.099.104	159.989.687.941

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 070618/NQ-HĐQT-01 ngày 7 tháng 6 năm 2018, Công ty đã trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% và bằng cổ phiếu với tỷ lệ 9% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ngoài ra, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1%.

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	337.772.902	262.185.400
Lợi nhuận chưa thực hiện đầu năm	54.720.000	-
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	12.864.000	54.720.000
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	13.163.782	128.671.259
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông không kiểm soát	418.520.684	445.576.659
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	(12.867.126)	(3.083.757)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	(100.000.000)	(50.000.000)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	305.653.558	392.492.902

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

26.1 *Nợ khó đòi đã xử lý*

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Khoản cho vay hỗ trợ thanh toán	21.474.230.387	21.474.230.387
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	14.470.476.001	14.470.476.001
Phải thu cổ tức	973.316.000	1.114.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	1.114.000.000	973.316.000
	38.032.022.388	38.032.022.388

26.2 *Ngoại tệ các loại*

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
USD	3.067.766.828	2.691.216.466

26.3 *Cổ phiếu đang lưu hành*

	<i>Số cuối năm Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty (Thuyết minh 24.1)	61.952.375	53.800.291

26.4 *Cổ phiếu quỹ*

	<i>Số cuối năm Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 24.1)	1.550.000	4.070.750

26.5 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK*

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Mệnh giá tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	201.770.440.000	166.998.500.000
Mệnh giá tài sản tài chính chờ thanh toán	-	200.000.000
	201.770.440.000	167.198.500.000

26.6 *Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK*

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.630.000	34.002.530.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26.7 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>6.133.330.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

26.8 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>43.684.040.000</u>	<u>9.198.700.000</u>

26.9 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>1.230.000.000</u>	<u>400.000.000</u>

26.10 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	966.764.400.000	884.137.090.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	79.200.000.000	79.200.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.111.000.000	12.529.600.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.673.000.000	3.230.500.000
	<u>1.049.748.400.000</u>	<u>979.097.190.000</u>

26.11 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	<u>9.020.670.000</u>	<u>34.985.650.000</u>

26.12 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>2.719.120.000</u>	<u>29.631.200.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26.13 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	29.224.690.000	405.020.000

26.14 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	137.363.335.613	104.910.816.409
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	137.139.127.626	104.765.968.427
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	224.207.987	144.847.982
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	10.577.893	6.116.539
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	10.168.269	5.707.897
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	409.624	408.642
	137.373.913.506	104.916.932.948

26.15 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	132.290.151.161	65.591.889.827
- Của Nhà đầu tư trong nước	132.065.533.550	65.446.633.203
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	224.617.611	145.256.624
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	5.080.708.300	39.279.699.600
- Của Nhà đầu tư trong nước	5.080.708.300	39.279.699.600
Phải trả khác của Nhà đầu tư	3.054.045	45.343.521
- Của Nhà đầu tư trong nước	3.054.045	45.343.521
	137.373.913.506	104.916.932.948

26.16 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu cho thành viên góp vốn	1.537.158.235	1.409.021.095

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

27.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyên tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm nay VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	10.982.580		315.878.024.101	230.777.699.829	85.100.324.272	
		TPB	1.670.000	27.708	46.272.155.500	13.360.000.000	32.912.155.500
		PNJ	126.420	173.425	21.924.366.000	9.291.736.400	12.632.629.600
		CEO	2.350.000	15.069	35.411.860.000	26.043.224.856	9.368.635.144
		ACB	310.000	45.881	14.223.170.000	6.568.277.004	7.654.892.996
		FPT	327.000	59.417	19.429.353.500	12.896.822.356	6.532.531.144
		MSN	155.450	87.815	13.650.811.000	8.166.429.172	5.484.381.828
		PVS	500.000	29.634	14.816.950.001	9.442.270.000	5.374.680.001
		VJC	60.000	174.872	10.492.314.000	5.547.834.297	4.944.479.703
		SSI	470.000	36.988	17.384.509.000	12.558.866.820	4.825.642.180
		LDG	150.000	24.488	3.673.242.500	1.503.269.713	2.169.972.787
		Khác	4.863.710	24.385	118.599.292.600	125.398.969.211	(6.799.676.611)
		2	Cổ phiếu chưa niêm yết	200.003		72.569.537.381	6.064.340.290
M-SERVICE	200.000			362.847	72.569.492.081	6.064.294.990	66.505.197.091
BCI	3			15.100	45.300	45.300	-
3	Trái phiếu niêm yết	8.500.000		1.023.621.300.000	1.020.838.000.000	2.783.300.000	
		TD1621470	3.400.000	108.941	370.399.600.000	369.057.600.000	1.342.000.000
		TL1535300	3.000.000	134.331	402.993.500.000	401.802.500.000	1.191.000.000
		BVDB17319	600.000	112.225	67.334.700.000	67.065.900.000	268.800.000
		TL1545363	1.000.000	122.320	122.320.000.000	122.320.000.000	(12.000.000)
		TD1747409	500.000	121.147	60.573.500.000	60.580.000.000	(6.500.000)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	700		738.856.800.000	736.113.062.800	2.743.737.200	
		BIDVBOND14.2	400	1.059.822.000	423.928.800.000	422.180.434.200	1.748.365.800
		BIDVBOND14.24	300	1.049.760.000	314.928.000.000	313.932.628.600	995.371.400
5	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	1		2.273.333.333	1.928.888.889	344.444.444	
		0212122017TVS-BIDV.HT	1	2.273.333.333	2.273.333.333	1.928.888.889	344.444.444
				2.153.198.994.815	1.995.721.991.808	157.477.003.007	

Trong đó:

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL
- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

170.772.031.632
(13.295.028.625)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại VND	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kê toán năm nay VND
I	FVTPL (Thuyết minh 6.5)	389.493.843.876	405.395.216.341	15.901.372.465	68.976.646.636	(53.075.274.171)
1	Cổ phiếu niêm yết	235.696.661.803	248.665.950.291	12.969.288.488	41.145.159.436	(28.175.870.948)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	61.346.087.073	44.089.266.050	(17.256.821.023)	20.991.487.200	(38.248.308.223)
3	Chứng chỉ quỹ	92.451.095.000	112.640.000.000	20.188.905.000	6.840.000.000	13.348.905.000
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng					91.938.501.857
	- Chênh lệch giảm					(145.013.776.028)
II	HTM (Thuyết minh 6.6)	1.868.720.581.764	1.868.720.581.764	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu (Thuyết minh 6.6)	174.053.465.157	173.473.306.439	(580.158.718)	(580.158.718)	-
IV	AFS (Thuyết minh 6.6)	30.847.363.882	28.492.713.882	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	-
		2.463.115.254.679	2.476.081.818.426	12.966.563.747	66.041.837.918	(53.075.274.171)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

27. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	6.299.225.800	17.241.811.300
Từ tài sản tài chính HTM	116.293.394.765	70.404.992.226
Từ các khoản cho vay và phải thu	21.153.347.569	12.307.244.580
	143.745.968.134	99.954.048.106

28. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỒN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập dự phòng cho vay hoạt động ký quỹ (Thuyết minh 27.2)	-	(661.198.933)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 27.2)	-	666.170.000
Chi phí lãi đi vay cho hoạt động ký quỹ	13.298.083.741	7.587.797.679
	13.298.083.741	7.592.768.746

29. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	2.033.578.117	14.681.638.016
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	1.622.825.372	-
Phí phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	1.700.000.000	-
Phí quản lý danh mục đầu tư	-	145.422.912
	5.356.403.489	14.827.060.928

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương	4.239.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.412.109.550	1.381.836.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	813.903.557	779.666.586
Phí giao dịch bán tài sản tài chính tự doanh	601.938.288	629.787.292
Phí lưu ký tài sản tài chính tự doanh	215.229.653	199.046.492
Chi phí khác	589.512.294	1.448.930.408
	7.871.693.342	4.439.267.697



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/VHN

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương	4.661.800.765	4.195.571.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.632.948.325	3.171.760.995
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	1.847.999.510	1.805.837.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	912.861.851	859.180.778
Chi phí khác	798.072.944	1.368.672.706
	11.853.683.395	11.401.023.379

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương	7.086.540.577	7.533.823.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.398.944	897.628.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.403.152	299.504.717
Vật tư văn phòng	180.775.724	195.604.837
Chi phí khác	2.587.941.720	1.960.838.066
	11.228.060.117	10.887.399.288

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương	3.052.022.852	12.922.650.216
Phí môi giới cho dịch vụ phát hành chứng chỉ Quỹ	681.586.200	-
Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	343.842.497	994.680.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	506.753.589	500.192.213
Chi phí thuê văn phòng	261.826.076	22.439.340
Vật tư văn phòng	309.138.279	444.287.069
Chi phí khác	5.155.169.493	14.884.249.817

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	69.265.418	4.115.802
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.524.810.436	1.166.142.601
	1.594.075.854	1.170.258.403

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lãi vay	78.332.671.547	45.347.385.469
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	518.364	21.647.110
	78.333.189.911	45.369.032.579

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	13.182.328.107	13.763.240.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.908.123.978	2.895.523.566
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại (Thuyết minh 16)	2.380.800.000	2.380.800.000
BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN	1.206.059.944	1.387.307.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.712.715	409.117.580
Chi phí văn phòng phẩm	274.262.037	293.258.020
Chi phí thuế, phí và lệ phí	52.322.448	193.422.809
Chi phí khác	3.714.710.739	4.085.143.581
	24.180.319.968	25.407.813.246

37. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	-	5.188.327.939
- Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	-	4.000.000.000
- Thu từ vi phạm hợp đồng của khách hàng	-	1.097.295.248
- Thu khác	-	91.032.691
Chi phí khác	(55)	(232.849.227)
	(55)	4.955.478.712

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2017: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

38.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.437.986.332	27.337.909.101
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(9.247.054.834)	12.909.023.327
	36.190.931.498	40.246.932.428

38.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

38.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	176.816.553.155	208.448.243.494
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	35.363.310.631	41.689.648.699
Ảnh hưởng của hợp nhất báo cáo tài chính	2.212.160.000	348.160.000
Các khoản điều chỉnh tăng	11.608.665.976	1.694.700.776
- Chênh lệch giảm ròng đánh giá lại TSTC FVTPL	11.359.054.834	-
- Chi phí không được khấu trừ	249.606.228	1.063.283.101
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4.914	37.939
- Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	133.234.000
- Tăng khác	-	498.145.736
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.746.150.275)	(16.394.600.374)
- Thu nhập từ cổ tức	(3.739.845.160)	(3.835.031.260)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(6.305.115)	-
- Chênh lệch tăng ròng đánh giá lại TSTC FVTPL	-	(12.427.329.327)
- Hoàn nhập dự phòng cho vay hoạt động ký quỹ	-	(132.239.787)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.437.986.332	27.337.909.101

38.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	470.930.000	470.930.000	-	133.234.000
Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	1.665.634.460	-	(614.928.000)
	2.136.564.460	2.136.564.460	-	(481.694.000)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(3.180.274.493)	(12.427.329.327)	9.247.054.834	(12.427.329.327)
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại			9.247.054.834	(12.909.023.327)

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

39.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm là 6.952.572.363 đồng (năm trước: 4.992.355.000 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Mối giới và dịch vụ khách hàng VND	Tư doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	43.143.145.998	269.009.759.289	52.255.590.909	117.656.537.284	5.587.336.824	487.652.370.304
2. Các chi phí trực tiếp	(24.802.365.294)	(165.471.240.726)	(10.898.656.965)	(78.333.189.911)	(5.093.875.670)	(284.599.328.566)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(912.861.851)	(813.903.557)	(329.403.152)	(461.712.715)	-	(2.517.881.275)
Kết quả kinh doanh bộ phận	17.427.918.853	102.724.615.006	41.027.530.792	38.861.634.658	493.461.154	200.535.160.463
4. Chi phí không phân bổ						(23.718.607.308)
						176.816.553.155
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018						
1. Tài sản bộ phận	173.621.328.593	462.183.287.094	52.700.000	152.897.720.961	8.308.125.104	797.063.161.752
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	11.685.093.424	-	65.840.677.622	8.307.305.103	85.833.076.149
- Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	-	405.395.216.341	-	-	-	405.395.216.341
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS-thuần	-	28.492.713.882	-	-	-	28.492.713.882
- Các khoản cho vay - thuần	173.473.306.439	-	-	86.887.469.040	820.001	173.473.306.439
- Dự thu cổ tức/lãi tiền gửi	-	137.433.447	-	-	-	137.433.447
- Phải thu bán các tài sản tài chính	-	16.472.830.000	-	-	-	16.472.830.000
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	148.022.154	-	52.700.000	-	-	200.722.154
- Các khoản phải thu khác	-	-	-	169.574.299	-	169.574.299
2. Tài sản phân bổ	2.239.655.513	90.034.923.872	878.144.499	1.781.881.687.455	-	1.875.034.411.339
- Tiền gửi kỳ hạn	-	87.950.511.698	-	1.780.770.070.066	-	1.868.720.581.764
- Tài sản cố định	2.239.655.513	2.084.412.174	878.144.499	1.111.617.389	-	6.313.829.575
3. Tài sản không phân bổ	175.860.984.106	552.218.210.966	930.844.499	1.934.779.408.416	8.308.125.104	2.685.174.150.228
Tổng tài sản	174.233.746.150	1.754.160.116	-	1.547.971.534.843	-	1.723.959.441.109
1. Nợ phải trả bộ phận	174.053.465.157	-	-	1.547.971.534.843	-	1.722.025.000.000
- Vay	180.280.993	-	-	-	-	180.280.993
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.754.160.116	-	-	-	1.754.160.116
2. Nợ phải trả không phân bổ	174.233.746.150	1.754.160.116	-	1.547.971.534.843	-	1.811.424.623.026
Tổng nợ phải trả						

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.3 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	3.786.995.100	2.779.310.240
Từ 1 - 5 năm	4.377.907.450	-
	8.164.902.550	2.779.310.240

39.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	140.599.593.875	168.017.919.807
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(12.010.412.250)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	140.599.593.875	156.007.507.557
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	61.408.489	59.180.774
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.290	2.636

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2018. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

Ngoài ra, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông lưu hành tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2018 với giả thuyết sự kiện này xảy ra ngay tại thời điểm đầu năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản nợ vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Nhóm Công ty chịu lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Nhóm Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Nhóm Công ty ở mức rất thấp do tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty bằng ngoại tệ là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Nhóm Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Nhóm Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6.6*, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 do có đầy đủ tài sản đảm bảo.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND		
Ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.868.720.581.764	-	-	-	1.868.720.581.764
Tiền gửi có kỳ hạn	1.868.720.581.764	-	-	-	1.868.720.581.764
Các khoản cho vay - gộp	172.163.301.014	1.196.843.839	-	693.320.304	174.053.465.157
Tài sản tài chính khác	109.507.937.337	-	-	-	109.507.937.337
Phải thu bán tài sản tài chính	16.472.830.000	-	-	-	16.472.830.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	87.025.722.488	-	-	-	87.025.722.488
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	200.722.154	-	-	-	200.722.154
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	1.095.248.799	-	-	-	1.095.248.799
Phải thu khác	4.713.413.896	-	-	-	4.713.413.896
Tổng cộng	2.150.391.820.115	1.196.843.839	-	693.320.304	2.152.281.984.258

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	405.395.216.341	-	-	-	405.395.216.341
Cổ phiếu niêm yết	-	248.665.950.291	-	-	-	248.665.950.291
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	44.089.266.050	-	-	-	44.089.266.050
Chứng chỉ quỹ	-	112.640.000.000	-	-	-	112.640.000.000
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	30.847.363.882	-	-	-	30.847.363.882
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	30.847.363.882	-	-	-	30.847.363.882
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.708.720.581.764	160.000.000.000	-	1.868.720.581.764
Tiền gửi kỳ hạn	-	-	1.708.720.581.764	160.000.000.000	-	1.868.720.581.764
Các khoản cho vay - gộp	1.890.164.143	-	172.163.301.014	-	-	174.053.465.157
Tài sản tài chính khác	-	200.722.154	103.366.519.610	1.227.281.677	4.713.413.896	109.507.937.337
Phải thu bán tài sản tài chính	-	-	16.472.830.000	-	-	16.472.830.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	86.893.689.610	132.032.878	-	87.025.722.488
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	200.722.154	-	-	-	200.722.154
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	1.095.248.799	-	1.095.248.799
Phải thu khác	-	-	-	-	4.713.413.896	4.713.413.896
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	69.033.076.149	16.800.000.000	-	-	85.833.076.149
Tổng	1.890.164.143	505.476.378.526	2.001.050.402.388	161.227.281.677	4.713.413.896	2.674.357.640.630
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay	-	-	1.557.025.000.000	165.000.000.000	-	1.722.025.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	180.280.993	-	-	-	180.280.993
Phải trả, phải nộp khác	-	1.583.677.652	7.311.355.563	8.180.383.561	-	17.075.416.776
Tổng	-	1.763.958.645	1.564.336.355.563	173.180.383.561	-	1.739.280.697.769
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.890.164.143	503.712.419.881	436.714.046.825	(11.953.101.884)	4.713.413.896	935.076.942.861

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Bà Hà Thanh Hòa
Người lập

Ông Lê Quang Tiên
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

